

LỜI MỞ ĐẦU

Từ năm 2015, để tạo sự cạnh tranh giữa các huyện, thành phố và các sở, ban, ngành, góp phần cải thiện và nâng cao chỉ số PCI của tỉnh, Tuyên Quang là một trong những tỉnh đầu tiên xây dựng khảo sát và công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện, thành phố và sở, ban, ngành (DDCI). Mô hình này được đánh giá là một sáng kiến quan trọng, được cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoan nghênh và nhiều tỉnh thành khác trong cả nước tham khảo. Đến nay, có khoảng trên 50 tỉnh thành trong cả nước đã và đang triển khai đánh giá chỉ số DDCI.

DDCI Tuyên Quang 2021 là dấu mốc đáng nhớ ghi lại hành trình lần thứ 8 khảo sát và công bố Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và cấp huyện thành phố do Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang chủ trì bèn bì và đầy trách nhiệm của chính quyền các cấp cũng như của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của Tuyên Quang. Năm 2021 cũng là năm Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang ứng dụng hệ thống khảo sát DDCI theo hình thức trực tuyến đầu tiên trong cả nước đã chuyển đổi từ khảo sát bằng phiếu truyền thống sang chuyển đổi số để góp phần nâng cao chỉ số chuyển đổi số do Bộ thông tin và truyền thông công bố hàng năm, đồng thời đã ứng dụng trí tuệ nhân tạo, nền tảng internet và điện toán đám mây không tiếp xúc trực tiếp với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đảm bảo an toàn tuyệt đối về công tác phòng chống dịch nên đã được ghi nhận và đánh giá tích cực của cộng đồng doanh nghiệp về khảo sát trực tuyến.

Kết quả khảo sát DDCI Tuyên Quang một lần nữa khẳng định chính sách nhất quán về công tác điều hành kinh tế của chính quyền cấp huyện, sở, ban, ngành; nhưng đồng thời cũng chỉ ra những mặt còn tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục và cầu thị, lắng nghe doanh nghiệp của các cơ quan nhà nước. DDCI giúp tất cả các đơn vị tham gia đánh giá, phân tích bức tranh chi tiết hơn về năng lực, kết quả và tác động của hoạt động điều hành kinh tế. Thông qua DDCI, tỉnh Tuyên Quang chuyển thông điệp mạnh mẽ đến cộng đồng doanh nghiệp về tầm nhìn phát triển hướng đến môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, công khai và hướng tới sự phát triển doanh nghiệp bền vững.

Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang trân trọng cảm ơn sự quan tâm, chỉ đạo của Thường trực Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo CCHC và nâng cao chỉ số NLCT tỉnh; sự phối hợp của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; Đảng uỷ khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; Sở Tư pháp; Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh; Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh; Liên minh các hợp tác xã; Hội doanh nhân trẻ; các sở, ban, ngành, huyện, thành phố; Công ty TNHH MTV Bất động sản và Công nghệ Hải Nam; các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; cơ quan, đơn vị có liên quan đã cùng tham gia xây dựng, khảo sát Chỉ số DDCI năm 2021.

**TM. HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP TỈNH
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Thập

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ BỘ CHỈ SỐ DDCI VÀ QUÁ TRÌNH KHẢO SÁT, XẾP HẠNG CHỈ SỐ DDCI NĂM 2021	5
1. Những điểm mới của Bộ Chỉ số DDCI 2021	5
2. Tổng quan về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia khảo sát chỉ số DDCI năm 2021	8
3. Tổng quan về các huyện, thành phố, sở, ban, ngành được khảo sát	12
4. Quá trình khảo sát, tổng hợp và xếp hạng chỉ số DDCI năm 2021	15
CHƯƠNG II: XẾP HẠNG CHỈ SỐ DDCI NĂM 2021	18
1. Tổng quan chung về kết quả điểm số và xếp hạng DDCI năm 2021 ...	18
2. Kết quả khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI các huyện, thành phố năm 2021	22
3. Kết quả khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI các cơ quan chuyên môn thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang năm 2021	24
4. Kết quả khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI các cơ quan ngành dọc của Trung ương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2021	28
5. Kết quả khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và doanh nghiệp có vị trí độc quyền	30
CHƯƠNG III: DDCI - 12 CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CỐT LÕI VÀ KHUYẾN NGHỊ	32
1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	33
2. Văn hóa giao tiếp, cơ sở vật chất khi giải quyết công việc, TTHC	34
3. Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính	35
4. Tính năng động	36
5. Chi phí không chính thức	37
6. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh	38
7. Thiết chế pháp lý	39
8. Cạnh tranh bình đẳng	40
9. An ninh trật tự	41
10. Tiếp cận đất đai	41
11. Hiệu quả xây dựng, tham mưu cho tỉnh các chính sách, quy định, giải pháp về hỗ trợ, phát triển sản xuất, kinh doanh	42
12. Hiệu quả thực thi các văn bản pháp luật	43
PHỤ BIỂU	

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, BẢNG TRONG BÁO CÁO

Biểu đồ 01: Cơ cấu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được lựa chọn khảo sát Chỉ số DDCI 2021

Biểu đồ 02: Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được lựa chọn khảo sát Chỉ số DDCI từ năm 2015 đến năm 2021

Biểu đồ 03: Cơ cấu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được lựa chọn khảo sát Chỉ số DDCI 2021 theo ngành nghề sản xuất kinh doanh

Biểu đồ 04: Số lượng, tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có phản hồi trả lời phiếu khảo sát DDCI năm 2021

Biểu đồ 05: Số lượng, tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có phản hồi trả lời phiếu khảo sát DDCI năm 2021 phân theo địa bàn phát phiếu

Biểu đồ 06: Số lượng các sở, ban, ngành, huyện, thành phố được lựa chọn khảo sát Chỉ số DDCI từ năm 2015 đến năm 2021

Biểu đồ 07: Số lượng phiếu khảo sát trả lời về các huyện, thành phố, sở, ban, ngành năm 2021

Biểu đồ 08: Chênh lệch số lượng phiếu trả lời giữa đơn vị nhiều phiếu nhất và ít phiếu nhất từ năm 2018 - 2021

Biểu đồ 09: Kết quả khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI năm 2021

Biểu đồ 10: Điểm số trung bình DDCI của các đơn vị từ năm 2015 đến 2020

Biểu đồ 11: Quy trình tổng hợp điểm DDCI năm 2021

Biểu đồ 12: Tỷ lệ các mức xếp hạng chỉ số DDCI năm 2021

Biểu đồ 13: Kết quả khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI năm 2021 các huyện, thành phố

Biểu đồ 14: Kết quả khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI năm 2021 các cơ quan chuyên môn thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

Biểu đồ 15: Kết quả khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI năm 2021 các cơ quan ngành dọc của Trung ương trên địa bàn tỉnh

Biểu đồ 16: Kết quả khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI năm 2021 các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và doanh nghiệp có vị trí độc quyền

Bảng số 01: Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được lựa chọn khảo sát Chỉ số DDCI 2021 theo địa bàn phát phiếu khảo sát

Bảng số 02: Số lượng, tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có phản hồi trả lời phiếu khảo sát DDCI năm 2021 theo địa bàn khảo sát

Bảng số 03: So sánh sự biến động, phân hóa về điểm số, vị trí xếp hạng của các huyện, thành phố, sở, ban, ngành năm 2021

Bảng số 04: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin và những tiêu chí cụ thể

Bảng số 05: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Văn hóa giao tiếp, cơ sở vật chất khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính và những tiêu chí cụ thể

Bảng số 06: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính và những tiêu chí cụ thể

Bảng số 07: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Tính năng động và những tiêu chí cụ thể

Bảng số 08: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Chi phí không chính thức và những tiêu chí cụ thể

Bảng số 09: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh và những tiêu chí cụ thể

Bảng số 10: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Thiết chế pháp lý và những tiêu chí cụ thể

Bảng số 11: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Cạnh tranh bình đẳng và những tiêu chí cụ thể

Bảng số 12: Các đơn vị cần cải thiện CSTP An ninh trật tự và những tiêu chí cụ thể

Bảng số 13: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Tiếp cận đất đai và những tiêu chí cụ thể

Bảng số 14: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Hiệu quả xây dựng, tham mưu cho tỉnh các chính sách, quy định, giải pháp về hỗ trợ, phát triển sản xuất, kinh doanh và những tiêu chí cụ thể

Bảng số 15: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Hiệu quả thực thi các văn bản pháp luật và những tiêu chí cụ thể

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VỀ BỘ CHỈ SỐ DDCI VÀ QUÁ TRÌNH KHẢO SÁT, XẾP HẠNG CHỈ SỐ DDCI NĂM 2021

Qua 07 năm triển khai với 08 cuộc khảo sát, kết quả khảo sát chỉ số DDCI đã thể hiện tiếng nói của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các nhà đầu tư hoạt động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, đánh giá chất lượng công tác điều hành kinh tế và cải cách hành chính của các huyện, thành phố, sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh. Kết quả đánh giá, xếp hạng chỉ số DDCI hằng năm là một trong những kênh thông tin quan trọng giúp cho các cơ quan, địa phương định vị được “điểm mạnh, điểm yếu” của mình. Đồng thời, cũng là cơ sở giúp lãnh đạo tỉnh xác định các điểm nghẽn trong công tác chỉ đạo điều hành, qua đó tập trung giải quyết các nút thắt về thể chế hiệu quả; góp phần thúc đẩy Tuyên Quang bứt phá trong cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư những năm tiếp theo.

Năm 2021 cũng là năm đầu tiên thực hiện khảo sát chỉ số DDCI trong giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Tuyên Quang. Để nhằm tiếp tục duy trì, đẩy mạnh những nỗ lực của chính quyền tỉnh, phát huy những hiệu ứng tích cực của chỉ số DDCI đã đem lại trong thời gian qua và nâng cao chỉ số PCI của tỉnh trong thời gian tới, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh tiếp tục được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện xây dựng và khảo sát Bộ Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện, thành phố và các sở, ban, ngành (DDCI) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2021.

1. Những điểm mới của Bộ Chỉ số DDCI 2021

Mặc dù được ghi nhận với kết quả tốt, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh của các huyện, thành phố, sở, ban, ngành, song chỉ số DDCI của tỉnh Tuyên Quang vẫn còn tồn tại những điểm chưa hoàn thiện. Bộ khung chỉ số DDCI được xây dựng từ năm 2015, tuy nhiên đến nay với sự chỉ đạo của Chính phủ và của tỉnh thì yêu cầu cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh có nhiều thay đổi theo hướng cao hơn, nhiều lĩnh vực hơn, đặc biệt là sự biến động của kinh tế - xã hội, đặc biệt là sự ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy việc tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện bộ khung chỉ số DDCI, phương pháp luận cũng cần phải nghiên cứu, điều chỉnh phù hợp với tình hình mới.

Trên cơ sở tình hình thực tiễn tại tỉnh, kế thừa Bộ Chỉ số DDCI giai đoạn 2015 - 2020 cũng như tham khảo một số mô hình khảo sát của các tỉnh, thành trên cả nước, Hiệp hội đã nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Bộ Chỉ số DDCI năm 2021; tổ chức lấy ý kiến góp ý bằng văn bản vào dự thảo Bộ Chỉ số của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Trong đó có 15 cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý bằng văn bản gửi Hiệp hội¹.

¹ 15 cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý bằng văn bản gửi Hiệp hội: Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang; Sở Công thương; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Tài nguyên và môi trường; Sở Y tế; Ủy ban MTTQ tỉnh

Các cơ quan, đơn vị được xin ý kiến không có văn bản trả lời coi như đồng ý với toàn bộ nội dung dự thảo Kế hoạch khảo sát và Bộ Chỉ số DDCI năm 2021 do Hiệp hội xây dựng.

Bộ Chỉ số DDCI năm 2021 được xây dựng dựa trên cơ sở tình hình thực tiễn tại tỉnh, kế thừa kết quả khảo sát Bộ Chỉ số DDCI tỉnh Tuyên Quang từ năm 2015 đến năm 2020; tham khảo Bộ chỉ số PCI của VCCI và một số mô hình khảo sát chỉ số DDCI của các tỉnh, thành trên cả nước. Một số nội dung được sửa đổi để khắc phục hạn chế của Bộ chỉ số DDCI giai đoạn trước; một số nội dung được bổ sung mới cho phù hợp với tình hình thực tế và xu hướng khảo sát chỉ số PCI và chỉ số DDCI hiện nay của các tỉnh, thành trên cả nước, cụ thể:

- Về tên gọi: Chỉ số năng lực cấp huyện, thành phố, các sở, ban, ngành viết tắt là DDCI (Department & District Competitiveness Index). Tên viết tắt của Bộ Chỉ số có sự thay đổi so với giai đoạn trước là DCI. Việc thay đổi cách viết tắt tên gọi thành DDCI cho thống nhất với tên gọi của chỉ số này của các tỉnh, thành trong cả nước đang áp dụng.

- Về các chỉ số thành phần: Bộ Chỉ số DCI giai đoạn 2015 - 2020 có 8 chỉ số thành phần (đối với các huyện, thành phố) và 7 chỉ số thành phần (đối với các sở, ban, ngành).

Bộ Chỉ số DDCI 2021 có 12 chỉ số thành phần. Trong đó, có 08 chỉ số thành phần áp dụng chung cho huyện, thành phố, sở, ban, ngành; 02 chỉ số thành phần đặc thù của huyện, thành phố; 02 chỉ số thành phần đặc thù của sở, ban, ngành². Việc sửa đổi, bổ sung các chỉ số thành phần cho phù hợp với các chỉ số thành phần đánh giá PCI; đồng thời góp phần đánh giá được toàn diện các mặt trong công tác điều hành kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại cơ quan, đơn vị.

Các chỉ số thành phần chung ngoài 07 chỉ số thành phần như giai đoạn trước, năm 2021 bổ sung thêm chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng³. Nội dung tiêu chí của một số chỉ số thành phần cũng có sự thay đổi cho phù hợp⁴.

Tuyên Quang; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Ban Quản lý các Khu du lịch tỉnh; Sở Kế hoạch và đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Sở Tư pháp; Trung tâm xúc tiến đầu tư; UBND huyện Sơn Dương.

² Tiếp thu, giữ nguyên 08 chỉ số thành phần như giai đoạn 2015 - 2020 gồm: (1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; (2) Văn hóa giao tiếp, cơ sở vật chất khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính; (3) Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính; (4) Tính năng động; (5) Chi phí không chính thức; (6) Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh; (7) Thiết chế pháp lý; (8) Tiếp cận đất đai.

Bổ sung 04 chỉ số mới: (1) Cạnh tranh bình đẳng; (2) An ninh trật tự; (3) Hiệu quả xây dựng, tham mưu cho tỉnh các chính sách, quy định, giải pháp về hỗ trợ, phát triển sản xuất, kinh doanh; (4) Hiệu quả thực thi các văn bản pháp luật.

³ Chỉ số này đánh giá về việc đối xử công bằng của các sở, ban, ngành, huyện, thành phố đối với các đối tượng kinh doanh, bao gồm sự công bằng giữa các doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước, FDI, doanh nghiệp thân hữu cũng như mức độ quan tâm tới doanh nghiệp tư nhân.

Việc xây dựng chỉ số cạnh tranh bình đẳng trong chỉ số DDCI sẽ góp phần phản ánh đầy đủ và hoàn thiện các khía cạnh thay đổi mà doanh nghiệp đề cập. Đồng thời thể hiện được các hình thức ưu đãi, gây mất bình đẳng đối với các doanh nghiệp trong sân chơi kinh doanh. Điều này góp phần tăng cường

Đối với nhóm huyện, thành phố bổ sung thêm chỉ số về An ninh trật tự. Đây là một tiêu chí được tách ra từ chỉ số Thiết chế pháp lý trong giai đoạn 2015 - 2020.⁵

Đối với nhóm các sở, ban, ngành bổ sung thêm hai chỉ số thành mới là: (1) Hiệu quả xây dựng, tham mưu cho tỉnh các chính sách, quy định, giải pháp về hỗ trợ, phát triển sản xuất, kinh doanh; (2) Hiệu quả thực thi các văn bản pháp luật⁶

- Về phương pháp khảo sát: Giai đoạn 2015 - 2020, khảo sát DDCI sử dụng 01 phương pháp khảo sát là phỏng vấn trực tiếp.

Năm 2021, khảo sát DDCI sử dụng phương pháp khảo sát trực tuyến thông qua sử dụng hệ thống đánh giá năng lực cạnh tranh. Đa dạng các hình thức khảo sát cho phù hợp với thực tiễn, đảm bảo kết quả khảo sát được chính xác, khách quan.⁷

- Về phương pháp xử lý kết quả khảo sát, tính điểm, tổng hợp: Giai đoạn 2015 - 2020, kết quả khảo sát được xử lý, tính điểm theo phương pháp quy phương án được lựa chọn thành điểm số; tổng hợp điểm trên cơ sở cộng điểm số theo công thức.

tiếng nói của cộng đồng doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, vì một nền kinh tế cạnh tranh bình đẳng hơn trong thời gian tới.

⁴ Chỉ số Tính năng động: Đánh giá về vai trò của người đứng đầu cơ quan nhà nước trong công tác lãnh, chỉ đạo cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại địa phương, sở, ban, ngành.

Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh: Đánh giá việc xây dựng/ thực hiện các chính sách, giải pháp nhằm hỗ trợ DN/HTX/HKD vượt qua khó khăn do dịch Covid 19 của cơ quan nhà nước

Chỉ số Thiết chế pháp lý: Đánh giá về việc tham mưu, giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật hoặc tranh chấp của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

⁵ Đây là một trong các chỉ số ảnh hưởng lớn đến sức hấp dẫn trong môi trường đầu tư kinh doanh của các địa phương. Nếu một địa phương có tình hình an ninh trật tự tốt, doanh nghiệp sẽ yên tâm hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh và ngược lại. Chỉ số này đề cập đến khả năng của chính quyền địa phương tạo cảm giác an toàn cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn, mức độ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phải bỏ ra các chi phí để thuê các dịch vụ bảo vệ, an ninh để bảo vệ tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoặc các chi phí cho tổ chức phi chính thống để được yên ổn làm ăn trên địa bàn.

⁶ Chỉ số này sẽ đề cập đến mức độ chủ động, kịp thời và phù hợp trong việc tham mưu cơ chế, chính sách, quy định, giải pháp cho tỉnh trong mỗi ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của các sở, ban, ngành. Việc tuân thủ, thi hành quy định pháp luật của Trung ương, của tỉnh đối với từng sở, ban, ngành. Chú trọng giải quyết các bất cập do quy định chưa cụ thể, chồng chéo, mâu thuẫn về quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực như: đầu tư, đất đai, xây dựng, tài nguyên môi trường,...; thực hiện tích hợp các văn bản pháp luật để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, dễ tra cứu, dễ hiểu và dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật.

⁷ Tuyên Quang là một trong những tỉnh tiên phong trong việc xây dựng và khảo sát chỉ số DDCI theo hình thức trực tuyến. Hiệp hội phối hợp cùng đơn vị tư vấn xây dựng phương pháp khảo sát trực tuyến trên website: ddci.tuyenquang.gov.vn. Phiếu khảo sát điện tử được đăng tải trên website để các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh quan tâm có thể truy cập và tham gia trả lời phiếu khảo sát trực tuyến. Việc đưa phương pháp khảo sát trực tuyến tạo điều kiện thuận lợi và bảo mật thông tin cho người trả lời phiếu, giảm các chi phí để lấy phiếu khảo sát, giúp việc tổng hợp kết quả khảo sát được khoa học, kịp thời và chính xác.

Năm 2021, kết quả khảo sát DDCI được xử lý, tính điểm theo phương pháp thống kê phương án được lựa chọn thành tỷ lệ phần trăm; tính điểm dựa trên tỷ lệ phần trăm theo công thức. Việc thay đổi phương pháp xử lý, tính điểm theo phương pháp tính điểm của chỉ số PCI, đảm bảo điểm số DDCI có sự phân hóa về điểm số và vị trí xếp hạng rõ ràng hơn giữa các cơ quan, đơn vị.

Khảo sát DDCI 2021 phân thành 4 nhóm để xếp hạng (tăng thêm 01 nhóm so với giai đoạn 2015 - 2020)⁸. Mức xếp hạng cũng được phân hoá rõ rệt hơn với các mức tương ứng với điểm số để đánh giá được cụ thể từng huyện, thành phố, sở, ban, ngành là: Rất tốt, Tốt, Khá, Trung bình, Tương đối thấp và Rất thấp.

2. Tổng quan về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia khảo sát chỉ số DDCI năm 2021

2.1. Mẫu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được lựa chọn khảo sát chỉ số DDCI năm 2021

Khảo sát DDCI dựa trên ý kiến của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, ngành nghề kinh doanh đang đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Mẫu khảo sát DDCI được rút từ danh sách đã được xác minh, sử dụng kết hợp phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên theo danh sách do Cục thuế tỉnh cung cấp và có chọn lọc theo danh sách do huyện, thành phố, sở, ban, ngành cung cấp. Các huyện, thành phố, sở, ban, ngành cung cấp danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có tiếp xúc giải quyết công việc, thủ tục hành chính trong năm vừa qua để đánh giá được xác thực nhất. Tổng cộng có 16 đơn vị đã tổng hợp và gửi danh sách cho Hiệp hội⁹. Trên cơ sở các dữ liệu này, Hiệp hội tiến hành ghép, nối các mảnh dữ liệu thành cơ sở dữ liệu tổng hợp và loại bỏ trùng lặp.

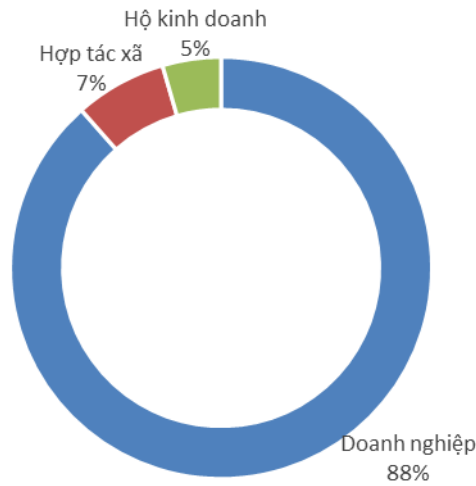
Theo địa bàn phát phiếu khảo sát, đối với các huyện, thành phố, tỷ lệ chọn mẫu được đưa ra dựa trên tỷ lệ số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ở địa phương đó trên tổng số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên tổng mẫu. Các huyện có ít doanh nghiệp được ưu tiên lựa chọn trước và có thể lấy toàn bộ mẫu khi địa phương đó có quá ít doanh nghiệp.

Đối với các sở, ban, ngành, Hiệp hội tiến hành chọn thêm mẫu cho các đơn vị có ít doanh nghiệp tương tác bằng cách xét thêm yếu tố ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp. Việc làm này để hạn chế tối đa việc mất cân đối trong tỷ lệ phân bổ mẫu giữa các sở, ban, ngành.

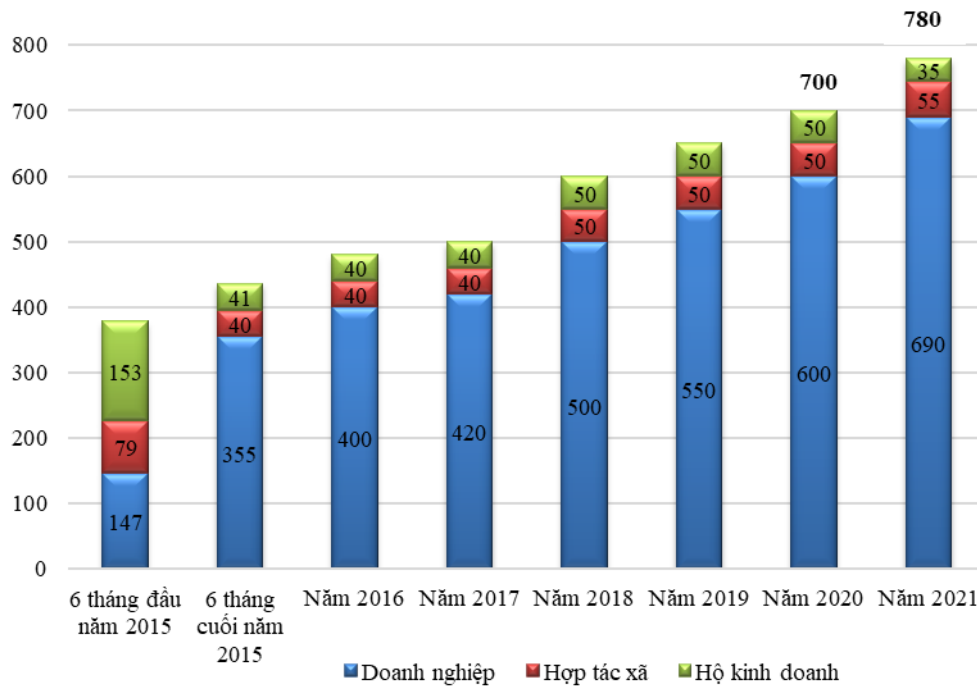
⁸ 04 nhóm xếp hạng DDCI 2021: Các huyện, thành phố (7 huyện, thành phố); Các sở, ban, ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (17 cơ quan); Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và doanh nghiệp có vị trí độc quyền (05 cơ quan); Các cơ quan ngành dọc của trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (08 cơ quan)

⁹ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Cục thuế tỉnh; Ngân hàng nhà nước tỉnh; Sở Công thương; Sở Giao thông vận tải; Sở Khoa học và công nghệ; Sở Kế hoạch và đầu tư; Sở Lao động, thương binh và xã hội; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Tài nguyên và môi trường; Sở Thông tin và truyền thông; Sở Văn hoá, thể thao và du lịch; Thanh tra tỉnh; UBND các huyện: Hàm Yên, Sơn Dương.

Danh sách mẫu khảo sát của các huyện, thành phố, sở, ban, ngành năm 2021 gồm 780 mẫu (tăng 80 mẫu so với năm 2020), nhóm Doanh nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhất với 690 mẫu (88.46%), sau đó là nhóm Hợp tác xã và Hộ kinh doanh cá thể chiếm tỷ trọng ít hơn với 90 mẫu (11.54%).



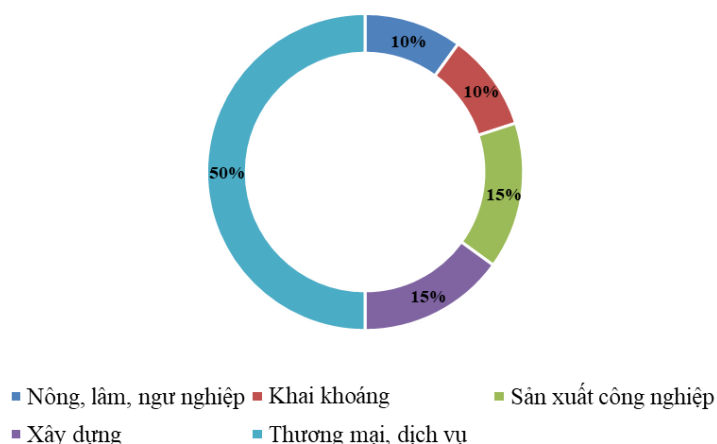
Biểu đồ 01: Cơ cấu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được lựa chọn khảo sát Chỉ số DDCI 2021



Biểu đồ 02: Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được lựa chọn khảo sát Chỉ số DDCI từ năm 2015 đến năm 2021

Đa phần các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được lựa chọn lấy phiếu khảo sát DDCI có ngành nghề sản xuất kinh doanh chính là thương mại - dịch vụ (chiếm gần 50%), tiếp đến là sản xuất công nghiệp, xây dựng, khai khoáng,

nông lâm nghiệp và các ngành khác. Tỷ lệ này là phù hợp với khảo sát DDCI các năm trước đó.



Biểu đồ 03: Cơ cấu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được lựa chọn khảo sát Chỉ số DDCI 2021 theo ngành nghề sản xuất kinh doanh

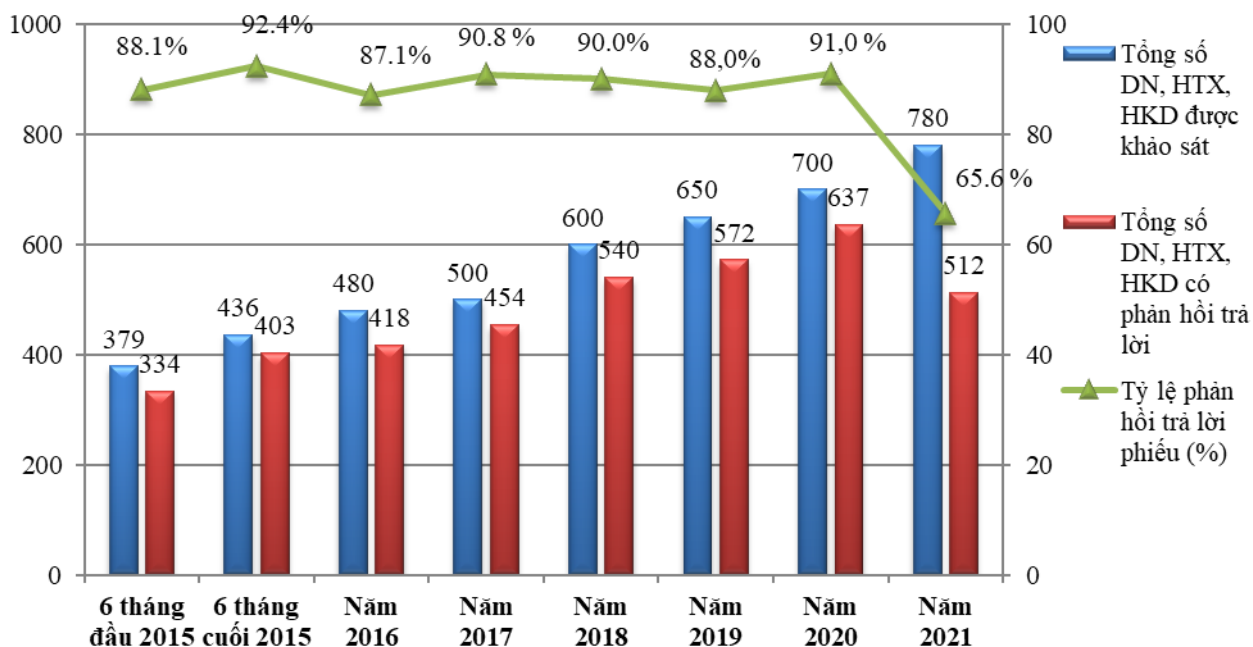
Phân theo địa bàn lấy phiếu khảo sát, thành phố Tuyên Quang là địa bàn phát nhiều phiếu khảo sát nhất, huyện Lâm Bình là địa bàn phát ít phiếu khảo sát nhất.

STT	Địa bàn phát phiếu khảo sát	Số lượng DN, HTX, HKD được phát phiếu khảo sát			
		Tổng số	Trong đó		
			DN	HTX	HKD
1	Thành phố Tuyên Quang	319	309	5	5
2	Huyện Chiêm Hóa	116	106	5	5
3	Huyện Sơn Dương	90	80	5	5
4	Huyện Yên Sơn	75	65	5	5
5	Huyện Hàm Yên	65	55	5	5
6	Huyện Na Hang	60	45	10	5
7	Huyện Lâm Bình	55	30	20	5
Tổng số		780	690	55	35

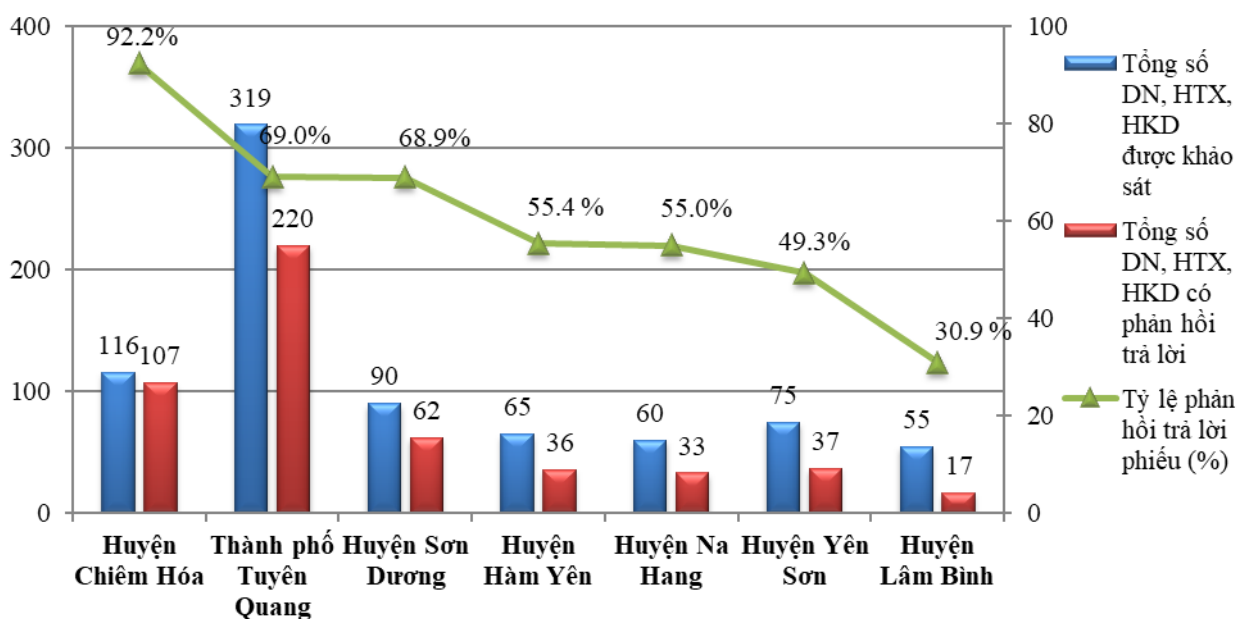
Bảng số 01: Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được lựa chọn khảo sát Chỉ số DDCI 2021 theo địa bàn phát phiếu khảo sát

2.2. Kết quả phản hồi phiếu khảo sát của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

Khảo sát DDCI 2021 dựa trên thăm dò ý kiến của 780 mẫu khảo sát là các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Trong quá trình khảo sát, Hiệp hội đã nhận được phản hồi trả lời phiếu của 512/780 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (đạt 65.6%).



Biểu đồ 04: Số lượng, tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có phản hồi trả lời phiếu khảo sát DDCI năm 2021



Biểu đồ 05: Số lượng, tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có phản hồi trả lời phiếu khảo sát DDCI năm 2021 phân theo địa bàn phát phiếu

Khảo sát DDCI được thực hiện trên địa bàn 07 huyện, thành phố của tỉnh Tuyên Quang. Qua khảo sát, huyện Chiêm Hóa là đơn vị có tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phản hồi phiếu khảo sát cao nhất với 92.2%. Huyện Lâm Bình là đơn vị có tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phản hồi phiếu khảo sát thấp nhất với 30.9%

STT	Địa bàn phát phiếu khảo sát	Số lượng DN, HTX, HKD được phát phiếu khảo sát				Số lượng DN, HTX, HKD có phản hồi trả lời phiếu khảo sát							
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Tỷ lệ (%)	Trong đó					
			DN	HTX	HKD			DN	Tỷ lệ (%)	HTX	Tỷ lệ (%)	HKD	Tỷ lệ (%)
1	Thành phố Tuyên Quang	319	309	5	5	220	69.0	211	68.3	5	100.0	4	80.0
2	Huyện Chiêm Hóa	116	106	5	5	107	92.2	98	92.5	5	100.0	4	80.0
3	Huyện Sơn Dương	90	80	5	5	62	68.9	58	72.5	2	40.0	2	40.0
4	Huyện Yên Sơn	75	65	5	5	37	49.3	30	46.2	4	80.0	3	60.0
5	Huyện Hàm Yên	65	55	5	5	36	55.4	32	58.2	4	80.0	0	0.0
6	Huyện Na Hang	60	45	10	5	33	55.0	26	57.8	4	40.0	3	60.0
7	Huyện Lâm Bình	55	30	20	5	17	30.9	11	36.7	5	25.0	1	20.0
Tổng số		780	690	55	35	512	65.6	466	67.5	29	52.7	17	48.6

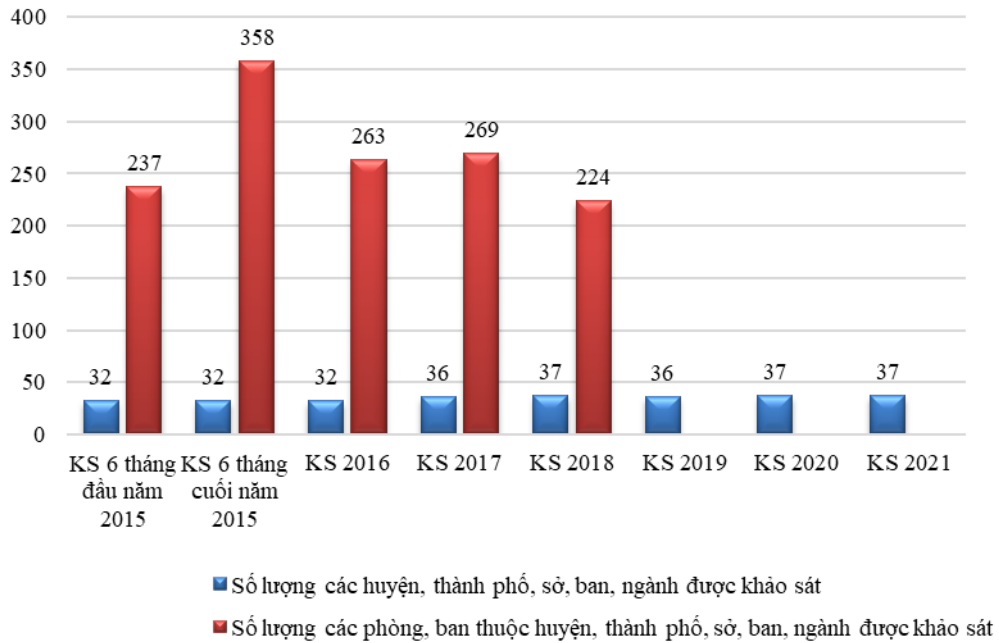
Bảng số 02: Số lượng, tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có phản hồi trả lời phiếu khảo sát DDCI năm 2021 theo địa bàn khảo sát

3. Tổng quan về các huyện, thành phố, sở, ban, ngành được khảo sát

DDCI sẽ tập trung đánh giá các sở, ban, ngành có chức năng, nhiệm vụ liên quan nhiều đến hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Thông qua khảo sát DDCI, có thể dễ dàng chẩn đoán được về chất lượng điều hành trong các lĩnh vực cụ thể như: Đăng ký kinh doanh; Đầu tư; Xây dựng; Đất đai; Tài nguyên môi trường; Thuế; Hải quan; Bảo hiểm xã hội; Giao thông, vận tải; Lao động, dạy nghề và an toàn lao động; Công nghiệp, thương mại; Nông, lâm nghiệp, thủy sản; Y tế; Giáo dục; Khoa học công nghệ; Văn hóa, du lịch; Thông tin, truyền thông, viễn thông; Tư pháp; Tài chính; An ninh trật tự,...

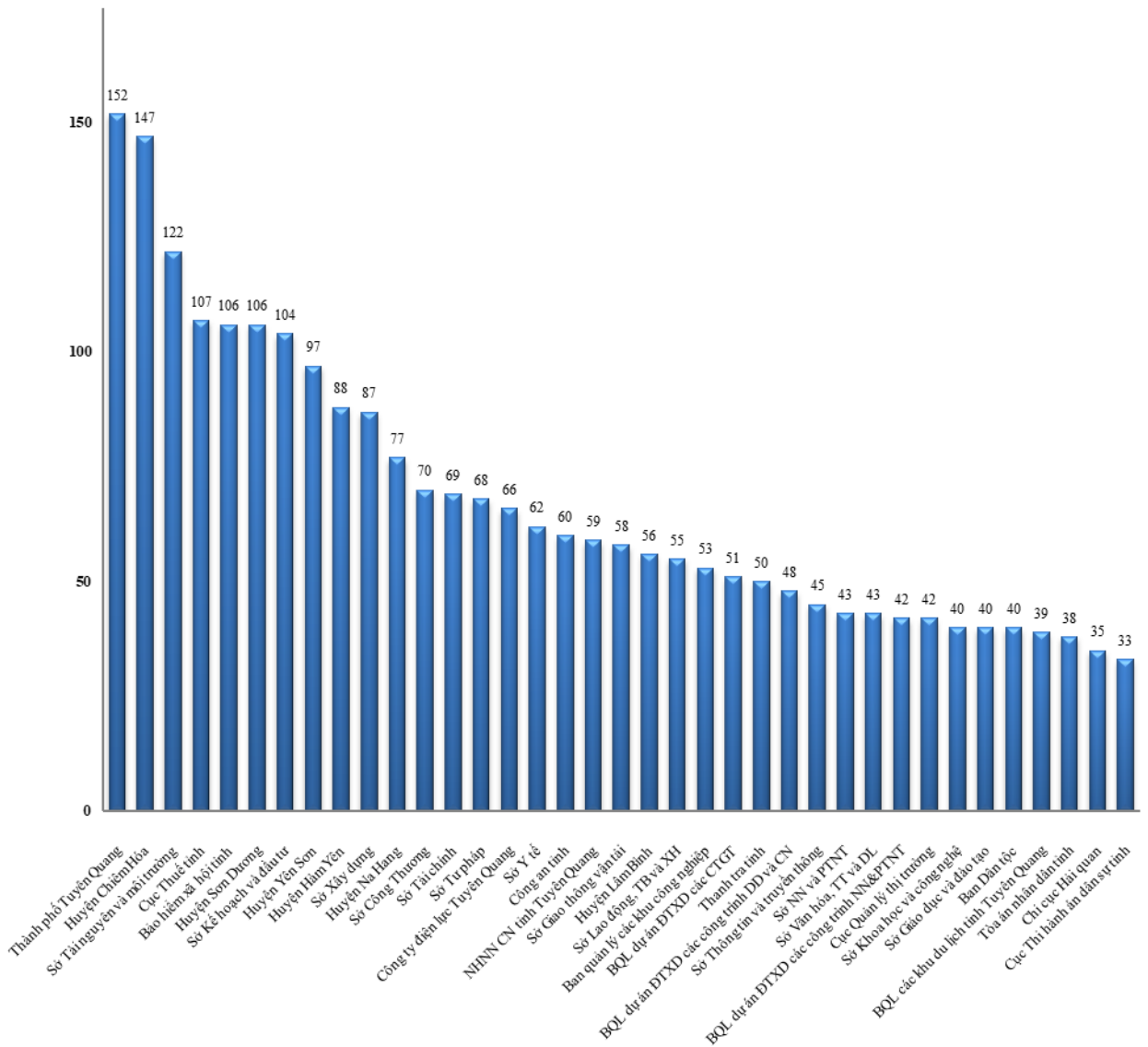
Khảo sát DDCI năm 2021 được tiến hành đối với 37 huyện, thành phố, sở, ban, ngành¹⁰.

¹⁰ Bổ sung Ban dân tộc tỉnh vào nhóm các sở, ban, ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh để lấy phiếu khảo sát. Không thực hiện khảo sát với Viện kiểm sát nhân dân tỉnh thuộc nhóm các cơ quan ngành dọc của trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.



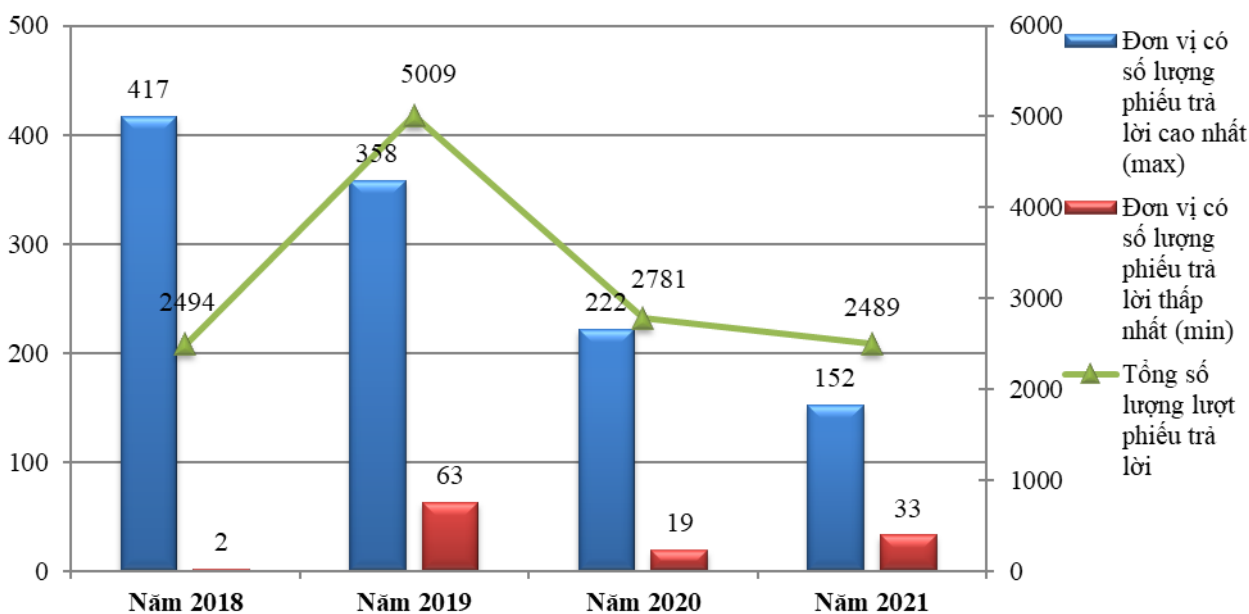
Biểu đồ 06: Số lượng các sở, ban, ngành, huyện, thành phố được lựa chọn khảo sát Chỉ số DDCI từ năm 2015 đến năm 2021

Số lượng phiếu khảo sát trả lời về các huyện, thành phố, sở, ban, ngành của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh là 2498 phiếu. Số lượng này giữa các đơn vị có sự chênh lệch. Có điều này là do chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị là khác nhau, do vậy sẽ có cơ quan, đơn vị trong năm tiếp xúc, giải quyết nhiều công việc, thủ tục hành chính với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nên sẽ số lượng phiếu trả lời sẽ nhiều hơn và ngược lại.



Biểu đồ 07: Số lượng phiếu khảo sát trả lời về các huyện, thành phố, sở, ban, ngành năm 2021

Qua biểu đồ trên, có thể thấy thành phố Tuyên Quang là đơn vị có số lượng phiếu trả lời cao nhất với 152 phiếu, thấp nhất là Cục Thi hành án dân sự tỉnh với 33 phiếu.



Biểu đồ 08: Chênh lệch số lượng phiếu trả lời giữa đơn vị nhiều phiếu nhất và ít phiếu nhất từ năm 2018 - 2021

Từ năm 2018, chênh lệch số lượng phiếu khảo sát trả lời về các đơn vị giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất đến nay đã có sự rút ngắn. Năm 2020, đơn vị có số lượng phiếu trả lời cao nhất là 222 phiếu và thấp nhất là 19 phiếu. Năm 2021, khoảng cách chênh lệch này giữa đơn vị có số lượng phiếu trả lời cao nhất là 152 phiếu và thấp nhất là 33 phiếu đã được rút ngắn. Đối với khảo sát DDCI năm 2021, các đơn vị đều có số lượng phiếu trả lời trên 30 phiếu, tỷ lệ trung bình là 68 phiếu/đơn vị.

4. Quá trình khảo sát, tổng hợp và xếp hạng chỉ số DDCI năm 2021

Thời gian lấy phiếu khảo sát DDCI năm 2021 từ ngày 21/12/2021 đến ngày 04/01/2022. Khảo sát DDCI được thực hiện hoàn toàn tự động trên hệ thống khảo sát trực tuyến: ddci.tuyenquang.gov.vn, sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và nền tảng Internet để hỗ trợ cho việc triển khai khảo sát DDCI. Phiếu khảo sát được đăng tải trên hệ thống để doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh truy cập và trả lời trực tuyến. Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh khi được lựa chọn là mẫu khảo sát sẽ được cấp riêng một mã khảo sát của đơn vị mình và mời tham gia khảo sát thông qua hệ thống tin nhắn, cuộc gọi tự động hoặc cán bộ văn phòng Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh trực tiếp gọi điện mời và hướng dẫn đối tượng tham gia khảo sát.

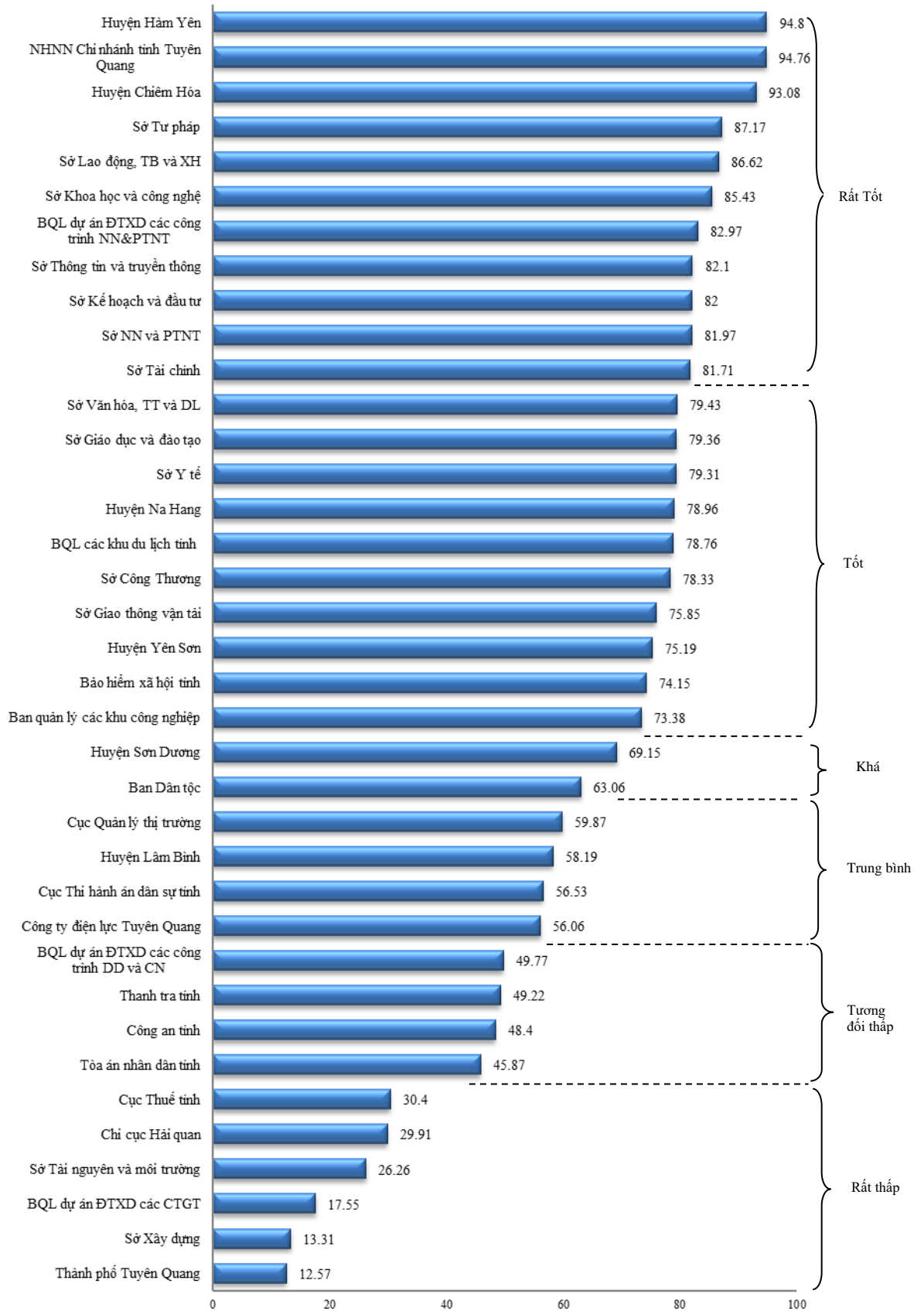
Sau khi khảo sát xong, hệ thống khảo sát trực tuyến tự động tính toán và tổng hợp kết quả khảo sát, không có sự can thiệp của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào trong việc tổng hợp kết quả khảo sát. Kết quả khảo sát hoàn toàn được tổng hợp từ chính phiếu khảo sát do các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã trả lời và gửi trên hệ thống khảo sát trực tuyến.

Sau khi kết thúc việc lấy phiếu khảo sát DDCI và đóng hệ thống khảo sát trực tuyến, ngày 05/01/2022, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh đã tổ chức họp kết xuất dữ liệu khảo sát Chỉ số DDCI năm 2021 trên hệ thống khảo sát trực tuyến. Thành phần dự họp gồm đại diện các cơ quan: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; Đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; Sở Tư pháp; Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh; Liên minh các Hợp tác xã; Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh; Hội doanh nhân trẻ; đơn vị tư vấn và Thường trực Hiệp hội. Tại cuộc họp, các thành phần đã cùng kết xuất dữ liệu kết quả khảo sát từ hệ thống khảo sát trực tuyến và xem xét kết quả khảo sát DDCI năm 2021. Thống nhất thông qua kết quả khảo sát chỉ số DDCI năm 2021 được kết xuất từ hệ thống khảo sát trực tuyến; đánh giá quá trình tổ chức triển khai khảo sát và tổng hợp kết quả khảo sát đảm bảo an toàn, bảo mật, khách quan và chính xác.

(Có biên bản họp về việc kết xuất dữ liệu khảo sát chỉ số DDCI năm 2021 kèm theo báo cáo)

CHƯƠNG II

XẾP HẠNG CHỈ SỐ DDCI NĂM 2021

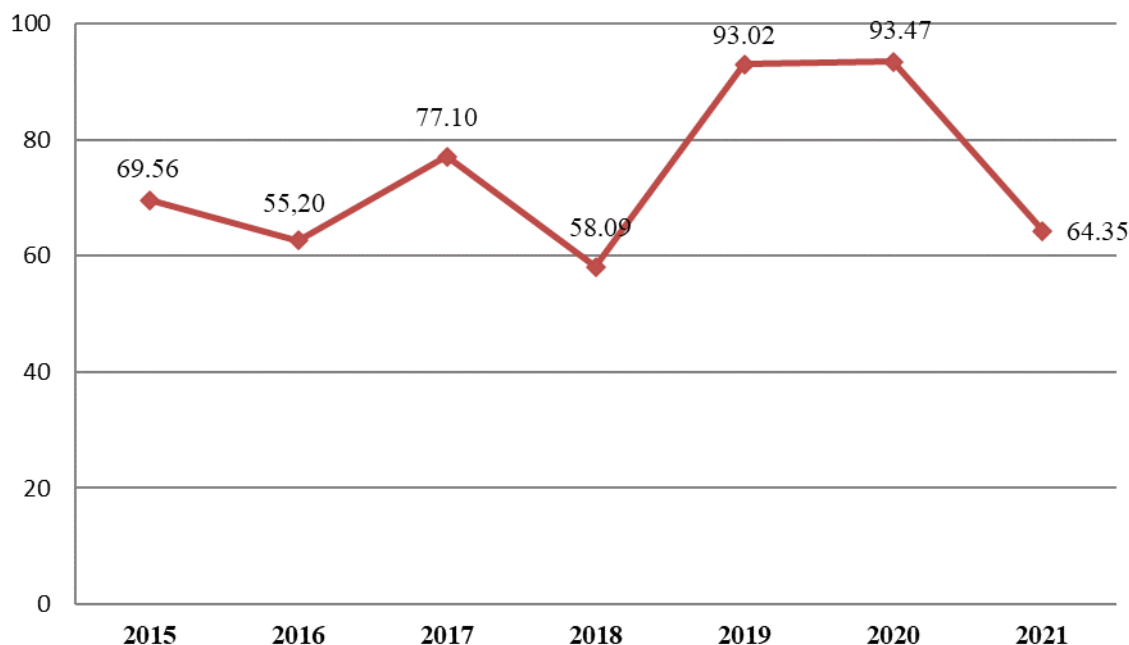


Biểu đồ 09: Kết quả khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI năm 2021

1. Tổng quan chung về kết quả điểm số và xếp hạng chỉ số DDCI năm 2021

Kết quả DDCI 2021 có thể tóm tắt thông qua 4 đặc điểm chính:

Một là, điểm số trung bình chung của các huyện, thành phố, sở, ban, ngành đều giảm so với năm 2020.



Biểu đồ 10: Điểm số trung bình DDCI của các đơn vị từ năm 2015 đến 2021

Từ năm 2015 đến năm 2018, điểm số DDCI trung bình của các đơn vị được khảo sát đều ở mức từ 55,20 điểm đến 77,10 điểm/100 điểm. Năm 2019 và 2020, điểm số trung bình DDCI của các đơn vị được khảo sát đều đạt điểm rất cao (trên 90 điểm). Điều này chưa phản ánh được sự phân hoá, xếp hạng rõ nét giữa các đơn vị trong nhóm xếp hạng khi đơn vị xếp đầu và xếp cuối chỉ chênh lệch nhau vài điểm.

Năm 2021, phương pháp tổng hợp điểm kết quả khảo sát và xếp hạng DDCI được áp dụng theo phương pháp tổng hợp điểm của chỉ số PCI. Phương pháp tính điểm này sẽ giúp tạo sự phân hoá về điểm số rõ nét hơn giữa các đơn vị trong nhóm xếp hạng, qua đó có thể nhìn nhận được những kết quả trong công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh mà mỗi đơn vị đã đạt được, đồng thời cũng chỉ ra được những mặt còn tồn tại, hạn chế cần cải thiện.

Hai là, khoảng cách điểm số giữa vị trí đầu bảng và cuối bảng có phần nói rộng so với năm trước đó.

Điểm số DDCI giữa đơn vị có vị trí xếp hạng cao nhất và thấp nhất trong các nhóm có sự chênh lệch rất lớn. Trong đó nhóm huyện, thành phố là nhóm có điểm số chênh lệch lớn nhất (82.23 điểm); nhóm các cơ quan ngành dọc của trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có chênh lệch điểm số ít nhất so với 03 nhóm còn lại (64.85 điểm)

	Tổng số	Huyện, thành phố	Các sở, ban, ngành ¹¹	Ngành dọc	Các đơn vị sự nghiệp công lập và DN ¹²
Vị trí xếp hạng giữ nguyên	9	3	3	3	
Vị trí xếp hạng tăng	15	3	10	2	
Vị trí xếp hạng giảm	7	1	3	3	
Điểm chênh lệch giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất		82.23	73.86	64.85	65.42

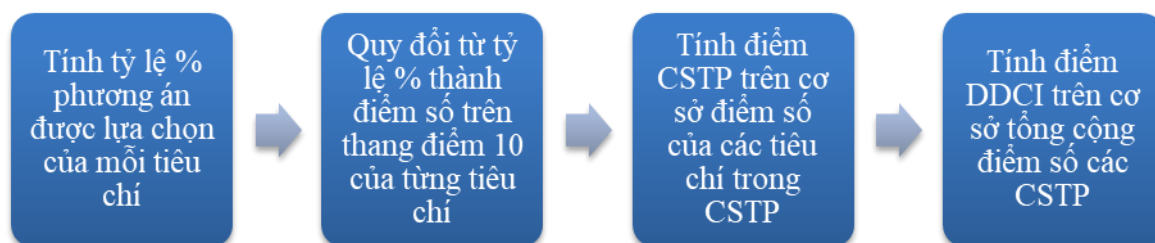
Bảng số 03: So sánh sự biến động, phân hóa về điểm số, vị trí xếp hạng của các huyện, thành phố, sở, ban, ngành năm 2021

Điểm số DDCI năm 2021 có sự chênh lệch lớn như vậy là do áp dụng công thức quy đổi điểm số các tiêu chí trong mỗi chỉ số thành phần từ tỷ lệ % thành điểm số trên thang điểm 10. Đây là công thức chuẩn đang được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam sử dụng để tính điểm chỉ số PCI. Công thức quy đổi điểm sẽ đánh giá đối với các đơn vị có tỷ lệ % cao nhất sẽ đạt điểm tuyệt đối (10 điểm); các đơn vị có tỷ lệ % thấp nhất sẽ đạt điểm thấp nhất (1 điểm); các đơn vị khác trong nhóm xếp hạng sẽ được xếp điểm tương ứng với tỷ lệ % từ cao xuống thấp.

Mỗi đơn vị khi tham gia khảo sát sẽ được đánh giá dựa trên 10 chỉ số thành phần tương ứng với 20 tiêu chí (câu hỏi). Mỗi tiêu chí (câu hỏi) sẽ được thiết kế theo hình thức trả lời trắc nghiệm lựa chọn phương án. Tỷ lệ % lựa chọn phương án của mỗi tiêu chí (câu hỏi) sẽ được dùng để quy thành điểm số trên thang điểm 10 của từng tiêu chí. Các tiêu chí sẽ được tổng hợp điểm thành điểm của chỉ số thành phần. Từ điểm của các chỉ số thành phần tổng cộng thành điểm DDCI của mỗi đơn vị.

¹¹ Ban Dân tộc là năm đầu tiên được đánh giá chỉ số DDCI nên chưa có dữ liệu các năm trước để so sánh

¹² Nhóm các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và doanh nghiệp có vị trí độc quyền là năm đầu tiên được đánh giá nên chưa có dữ liệu các năm trước để so sánh



Biểu đồ 11: Quy trình tổng hợp điểm DDCI năm 2021

Một số đơn vị có điểm chỉ số thành phần rất thấp, nhiều chỉ số bị 1 điểm là do tỷ lệ % được lựa chọn để tính điểm của tất cả các tiêu chí trong các chỉ số thành phần của đơn vị so với các đơn vị khác trong nhóm xếp hạng đều thấp nhất. Vì vậy, khi cộng trung bình để tính điểm chỉ số thành phần sẽ thấp và tổng điểm DDCI của đơn vị cũng rất thấp.

Ví dụ: Tính điểm chỉ số Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính của nhóm các huyện, thành phố

STT	Tên cơ quan, đơn vị	3.2		3.1		Điểm CSTP (Thang điểm 10)
		Tỷ lệ %	Điểm số	Tỷ lệ %	Điểm số	
1	Huyện Chiêm Hóa	93.15	10	97.95	10	10
2	Huyện Hàm Yên	88.51	8.4	97.67	9.87	9.14
3	Huyện Yên Sơn	89.58	8.77	94.79	8.51	8.64
4	Huyện Lâm Bình	85.45	7.34	94.44	8.35	7.85
5	Huyện Na Hang	84.21	6.91	94.81	8.52	7.72
6	Huyện Sơn Dương	87.25	7.96	89.42	5.99	6.98
7	Thành phố Tuyên Quang	67.11	1	78.81	1	1
	Cao nhất	93.15	10	97.95	10	10
	Thấp nhất	67.11	1	78.81	1	1
	Trung vị	80.13	5.5	88.38	5.5	5.5

Câu hỏi (tiêu chí) 3.1: DN/HTX/HKD đánh giá như thế nào về thời gian giải quyết công việc, TTHC của cơ quan nhà nước? (A. Sớm hơn so với giấy hẹn; B. Đúng theo giấy hẹn; C. Kéo dài hơn so với giấy hẹn dưới 05 ngày; D. Kéo dài hơn so với giấy hẹn trên 05 ngày)

Câu hỏi (tiêu chí) 3.2: DN/HTX/HKD có thể giải quyết công việc, TTHC qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích theo quy định khi có yêu cầu được không? (A. Luôn luôn; B. Thường xuyên; C. thỉnh thoảng; D. Không bao giờ)

Tỷ lệ % được lựa chọn dùng để tính điểm đối với tiêu chí 3.1 là: A. Sớm hơn so với giấy hẹn và B. Đúng theo giấy hẹn; tiêu chí 3.2 là: A. Luôn luôn và B. Thường xuyên

Như vậy có thể hiểu huyện Chiêm Hoá có 97,95% doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cho rằng công việc, thủ tục hành chính luôn được giải quyết sớm hơn so với giấy hẹn hoặc đúng theo giấy hẹn; 93,15% cho rằng có thể luôn luôn

hoặc thường xuyên giải quyết công việc, TTHC qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích. Các đơn vị khác cũng tương tự như vậy.

Từ tỷ lệ % phương án của mỗi tiêu chí được lựa chọn, sẽ áp dụng công thức để quy đổi từ tỷ lệ % thành điểm số trên thang điểm 10.

$$\text{Điểm tiêu chí} = 9 \times \left(\frac{\text{Đơn vị} - \text{Min}}{\text{Max} - \text{Min}} \right) + 1$$

Trong đó:

- Đơn vị: Giá trị tỷ lệ % tương ứng với tiêu chí của đơn vị cần tính điểm
- Min: Giá trị tỷ lệ % nhỏ nhất của tiêu chí trong nhóm xếp hạng
- Max: Giá trị tỷ lệ % lớn nhất của tiêu chí trong nhóm xếp hạng

$$\text{Điểm tiêu chí 3.1 của huyện Chiêm Hoá} = 9 \times \left(\frac{97,95 - 78,81}{97,95 - 78,81} \right) + 1 = 10 \text{ điểm}$$

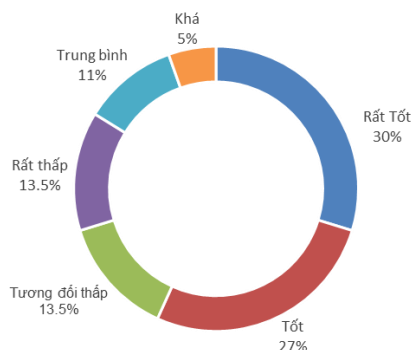
$$\text{Điểm tiêu chí 3.1 của thành phố Tuyên Quang} = 9 \times \left(\frac{78,81 - 78,81}{97,95 - 78,81} \right) + 1 = 1 \text{ điểm}$$

Ba là, phần lớn các đơn vị đều có vị trí xếp hạng tăng hoặc giữ nguyên so với năm 2020.

Mặc dù điểm số DDCI của các đơn vị có giảm so với năm 2020 nhưng vị trí xếp hạng của các đơn vị có xu hướng tăng hoặc giữ nguyên. Trong số 31 đơn vị được so sánh vị trí xếp hạng với năm 2020 thì có 24 đơn vị có vị trí xếp hạng tăng hoặc giữ nguyên (chiếm 77.4%). Vị trí xếp hạng của các đơn vị cơ bản không có nhiều sự biến động so với năm 2020.

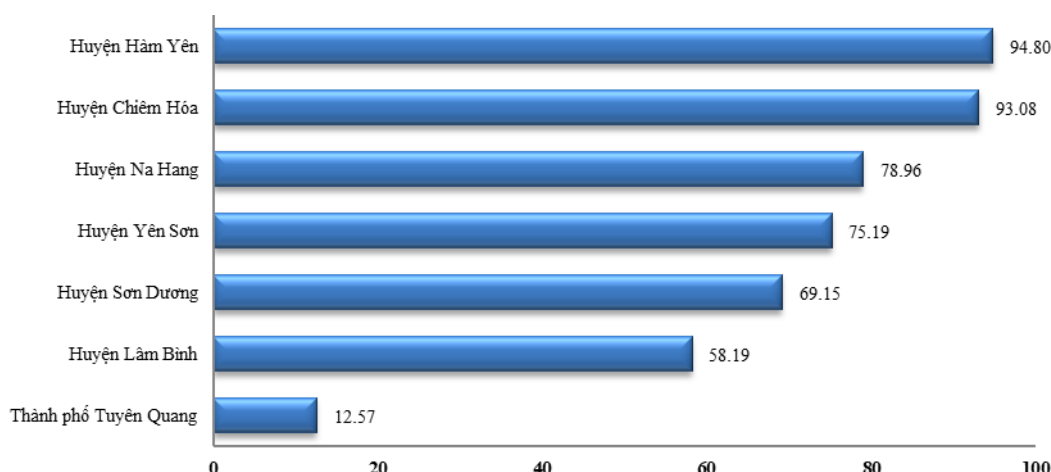
Bốn là, tỷ lệ đơn vị có mức xếp hạng Rất tốt và Tốt chiếm đa số.

Trong số 37 đơn vị được khảo sát chỉ số DDCI năm 2021, có 11 đơn vị xếp hạng Rất Tốt; 10 đơn vị xếp hạng Tốt; 5 đơn vị xếp hạng Tương đối tốt; 5 đơn vị xếp hạng Rất thấp; 4 đơn vị xếp hạng Trung bình; 2 đơn vị xếp hạng Khá.



Biểu đồ 12: Tỷ lệ các mức xếp hạng chỉ số DDCI năm 2021

2. Kết quả khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI các huyện, thành phố năm 2021



Biểu đồ 13: Kết quả khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI năm 2021 các huyện, thành phố

Bảng xếp hạng điểm số DDCI năm 2021 của nhóm các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang có sự phân hóa rõ rệt. Điểm số giữa 7 huyện, thành phố được khảo sát chênh lệch nhất trong 4 nhóm (chênh lệch điểm số giữa huyện cao điểm nhất và huyện thấp điểm nhất là 82,23 điểm). Vị trí xếp hạng của các huyện, thành phố không nhiều sự biến động so với năm 2020. Trong nhóm có 03 đơn vị giữ nguyên vị trí xếp hạng, 03 đơn vị có vị trí xếp hạng tăng, 01 đơn vị có vị trí xếp hạng giảm so với năm 2020.

1 Huyện Hàm Yên tiếp tục là đơn vị dẫn đầu bảng xếp hạng các huyện, thành phố. Điểm số DDCI của huyện là đơn vị có điểm số cao nhất trong số 37 đơn vị được khảo sát chỉ số DDCI năm 2021. Huyện Hàm Yên là một trong số ít đơn vị có điểm số chỉ số thành phần đều trên 8 điểm. Một số chỉ số thành phần của huyện được đánh giá cao và giành điểm số tuyệt đối như: Văn hóa giao tiếp, ứng xử và cơ sở vật chất; Chi phí không chính thức; Thiết chế pháp lý.

2 Huyện Chiêm Hoá là đơn vị có vị trí xếp hạng tăng so với năm 2020. Năm 2021, đơn vị tăng một bậc lên vị trí 2/7 huyện, thành phố. Từ năm 2018 đến nay, vị trí xếp hạng của đơn vị đều được cải thiện qua từng năm. Các chỉ số thành phần của huyện đều được đánh giá với số điểm cao. Một số chỉ số thành phần đạt điểm tuyệt đối như: Chi phí thời gian, Tính năng động.

3 Huyện Na Hang tăng một bậc xếp hạng so với năm 2020, xếp hạng 3/7 huyện, thành phố. Chỉ số DDCI của huyện từ năm 2019 đến nay đang có sự cải thiện dần. Tuy nhiên, đơn vị cần lưu ý điểm số DDCI của đơn vị có sự sụt giảm so với năm 2020 (giảm 15,76 điểm). Đơn vị cần lưu ý về chỉ số thành phần: Tính năng động; Cạnh tranh bình đẳng là hai chỉ số thành phần có điểm số tương đối thấp.

4 Huyện Yên Sơn là đơn vị có vị trí xếp hạng tăng mạnh nhất trong nhóm với việc tăng 02 bậc xếp hạng, đơn vị xếp hạng 4/7 huyện, thành phố. Tuy có sự thăng hạng nhưng tương tự như huyện Na Hang, điểm số DDCI của đơn vị giảm 18,85 điểm so với năm 2020. Các chỉ số thành phần của huyện đều được đánh giá ở mức tương đối cao. Tuy nhiên, huyện cần lưu ý đến chỉ số thành phần về An ninh trật tự khi đây là chỉ số có điểm số thấp nhất của huyện.

5 Huyện Sơn Dương là đơn vị có vị trí xếp hạng giữ nguyên so với năm 2020, xếp hạng 5/7 huyện, thành phố. Qua kết quả khảo sát của huyện cho thấy điểm số DDCI đã giảm 24,95 điểm so với năm 2020 và nằm trong nhóm xếp hạng Khá. Một số chỉ số thành phần của huyện được đánh giá với điểm số tương đối cao: Chi phí không chính thức; Thiết chế pháp lý; An ninh trật tự,... Huyện cần tập trung cải thiện một số chỉ số thành phần điểm số còn thấp như: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Cạnh tranh bình đẳng.

6 Huyện Lâm Bình là đơn vị có vị trí xếp hạng giảm mạnh nhất trong nhóm. Đơn vị giảm 4 bậc, xếp hạng 6/7 huyện, thành phố. Vị trí xếp hạng của huyện trong ba năm (từ 2018 đến 2020) đã được cải thiện rất nhiều, từ một huyện luôn nằm ở vị trí cuối trong bảng xếp hạng, đến năm 2020 huyện đã nằm trong nhóm ba đơn vị dẫn đầu. Tuy nhiên năm 2021, điểm số DDCI của đơn vị giảm 38,93 điểm, xếp hạng Trung bình.

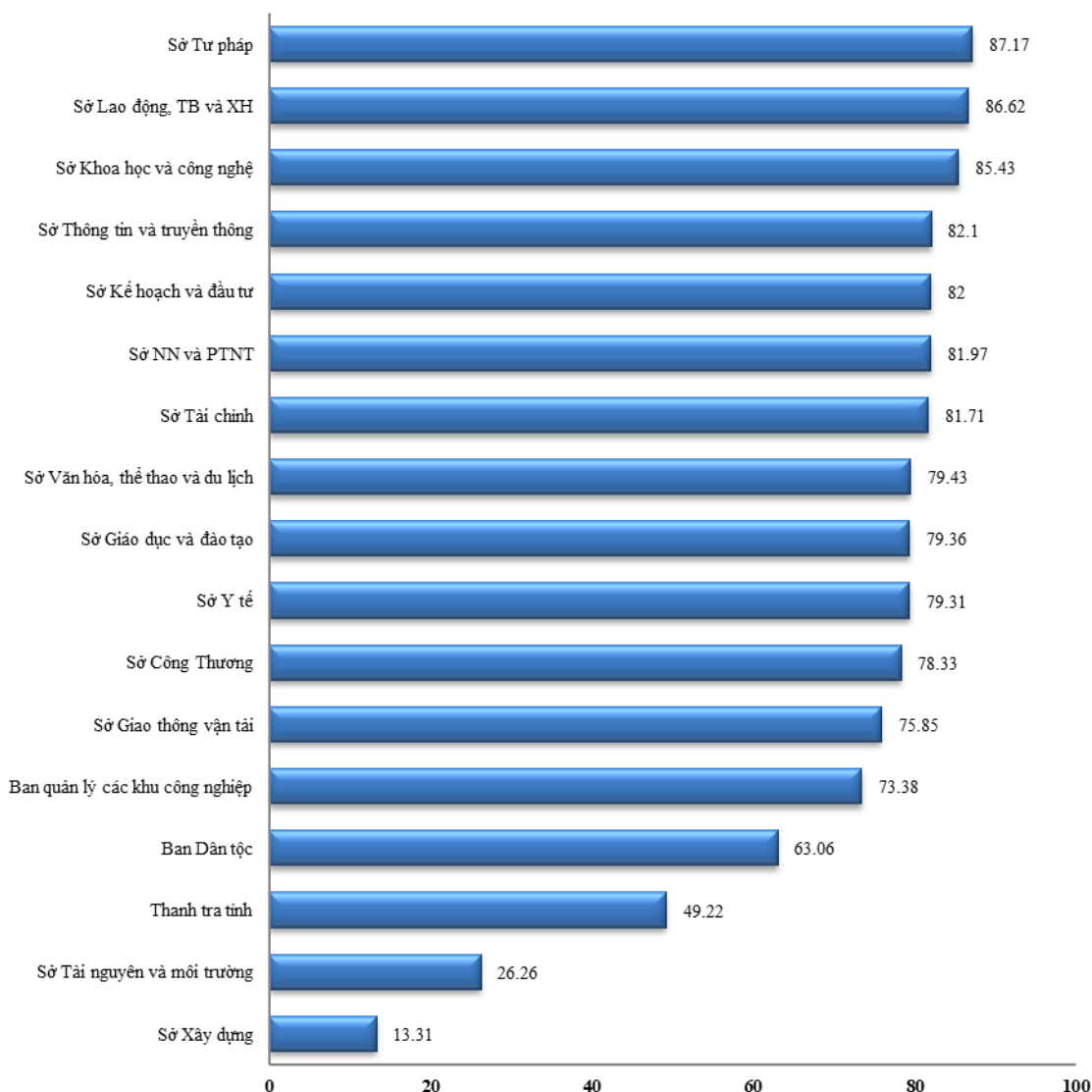
Các chỉ số thành phần của đơn vị có nhiều chỉ số đạt dưới 5 điểm như: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; An ninh trật tự. Đặc biệt, chỉ số về An ninh trật tự có điểm số rất thấp (2.31/10 điểm)

7 Thành phố Tuyên Quang là đơn vị có vị trí xếp hạng không biến động so với năm 2020. Năm 2021, đơn vị giảm 77,46 điểm, xếp hạng 7/7 huyện, thành phố với mức xếp hạng rất thấp.

Từ năm 2019 đến nay, vị trí xếp hạng chỉ số DDCI của thành phố không có sự cải thiện rõ rệt. Các chỉ số thành phần của thành phố Tuyên Quang đều có điểm số và vị trí xếp hạng rất thấp. Trong bối cảnh chính quyền các địa phương luôn tập trung đề ra những giải pháp quyết liệt, đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh thì đơn vị cần nỗ lực hơn nữa để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, có sự vươn lên mạnh mẽ và bứt phá trong thời gian tới.

(Kết quả điểm số và xếp hạng DDCI 2021 của từng đơn vị xem tại phụ biểu 01 kèm theo báo cáo)

3. Kết quả khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI các cơ quan chuyên môn thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang năm 2021



Biểu đồ 14: Kết quả khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI năm 2021 các cơ quan chuyên môn thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

Vị trí xếp hạng DDCI năm 2021 của các sở, ban, ngành là cơ quan chuyên môn thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang không có sự biến động nhiều so với năm 2020. Điểm số của 17 đơn vị trong nhóm không có đơn vị nào đạt trên 90 điểm. Chênh lệch điểm số giữa đơn vị có điểm số cao nhất và thấp nhất trong nhóm là 73,86 điểm. Trong nhóm có 03 đơn vị giữ nguyên vị trí xếp hạng, 10 đơn vị có vị trí xếp hạng tăng, 03 đơn vị có vị trí xếp hạng giảm¹³.

¹³ Ban Dân tộc là đơn vị được khảo sát chỉ số DDCI lần đầu nên không có dữ liệu để so sánh với các năm trước đây

1 Sở Tư pháp tiếp tục là đơn vị dẫn đầu trong bảng xếp hạng DDCI năm 2021 các sở, ban, ngành. Đây là năm thứ ba liên tiếp đơn vị ở nhóm các đơn vị dẫn đầu. Vị trí xếp hạng của đơn vị ở mức ổn định nhất trong nhóm và không có sự biến động nhiều. Điểm số DDCI của đơn vị đạt 87,17 điểm (giảm 10,77 điểm so với năm 2020). Điểm các chỉ số thành phần của đơn vị hầu hết đều trên 8 điểm. Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính là điểm sáng của đơn vị khi được đánh giá điểm số và vị trí xếp hạng cao nhất (9,66/10 điểm).

2 Sở Lao động, thương binh và xã hội có sự bứt phá trong năm 2021 khi đơn vị đã tăng bảy bậc xếp hạng, lên vị trí 2/17 đơn vị. Vị trí xếp hạng của đơn vị từ năm 2017 đến nay có sự cải thiện liên tục nhưng năm 2021 là năm đơn vị có sự tăng hạng mạnh mẽ nhất. Các chỉ số thành phần của đơn vị đều được đánh giá cao. Tuy nhiên, đơn vị cần lưu ý chỉ số về Văn hóa giao tiếp ứng xử, cơ sở vật chất của đơn vị có điểm số thấp nhất.

3 Sở Khoa học và công nghệ tăng ba bậc xếp hạng so với năm 2020, xếp hạng 3/17. Từ năm 2019, vị trí xếp hạng của đơn vị có sự cải thiện mạnh mẽ. Tính năng động là chỉ số thành phần được đánh giá cao nhất của đơn vị. Trong đó, tiêu chí về vai trò của người đứng đầu cơ quan nhà nước trong công tác lãnh, chỉ đạo cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của đơn vị đạt điểm tuyệt đối.

4 Sở Thông tin và truyền thông năm 2021 vị trí xếp hạng của đơn vị giảm hai bậc so với năm 2020, xếp hạng 4/17. Đây là năm đầu tiên kể từ năm 2016 đơn vị không nằm trong nhóm ba đơn vị dẫn đầu của bảng xếp hạng.

Vị trí xếp hạng của đơn vị bị giảm so với các năm trước do các chỉ số thành phần của đơn vị có mức điểm không đồng đều. Sở Thông tin và truyền thông là đơn vị có nhiều điểm số tuyệt đối nhất (10 điểm) ở các chỉ số thành phần: Thiết chế pháp lý; Cạnh tranh bình đẳng; Hiệu quả thực thi các văn bản pháp luật. Tuy nhiên, các chỉ số thành phần khác điểm số của đơn vị không quá cao. Vì vậy, xét trên mặt bằng chung tổng điểm DDCI của đơn vị không thể đưa vị trí xếp hạng được cải thiện hơn.

5 Sở Kế hoạch và đầu tư tăng tám bậc so với năm 2020, xếp hạng 5/17. Đây là đơn vị có vị trí xếp hạng tăng mạnh nhất trong nhóm. Sở cũng là đơn vị có nhiều phiếu đánh giá đứng thứ hai trong nhóm (sau Sở Tài nguyên và môi trường). Các chỉ số thành phần của đơn vị đều đạt trên 7 điểm và tương đối đồng đều. Kết quả khảo sát của đơn vị đã thể hiện được sự ghi nhận của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đối với những nỗ lực trong công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của đơn vị trong năm 2021.

Tuy nhiên, nhìn nhận cả một quá trình xếp hạng DDCI của đơn vị từ năm 2015 đến nay có thể thấy kết quả xếp hạng DDCI của sở có nhiều biến động, chưa ổn định và bền vững. Đơn vị cần tiếp tục đưa ra các giải pháp cải thiện để tiếp tục giữ vững và nâng cao kết quả xếp hạng DDCI những năm tiếp theo.

6 Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tăng hai bậc so với năm 2020, xếp hạng 6/17. Từ năm 2017 đến nay, vị trí xếp hạng của đơn vị liên tục tăng đều qua các năm, có sự ổn định và bền vững. Các chỉ số thành phần của đơn vị tương đối đồng đều.

7 Sở Tài chính là một trong những đơn vị có vị trí xếp hạng tăng mạnh nhất so với năm 2020, đơn vị tăng bảy bậc và xếp hạng 7/17. Vị trí xếp hạng của đơn vị từ năm 2019 đến nay đang có sự cải thiện dần và năm 2021 là năm đơn vị có sự bứt phá mạnh mẽ nhất.

8 Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tăng ba bậc so với năm 2020, xếp hạng 8/17. Các chỉ số thành phần của đơn vị có điểm số tương đối đồng đều. Tuy nhiên, đơn vị cần lưu ý chỉ số thành phần: Tính năng động; Hiệu quả xây dựng, tham mưu cho tỉnh các chính sách, quy định, giải pháp về hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh là hai chỉ số thành phần điểm số chưa được cao.

9 Sở Giáo dục và đào tạo là đơn vị có vị trí xếp hạng tăng bảy bậc so với năm 2020, xếp hạng 9/17. Vị trí xếp hạng của đơn vị từ năm 2019 đến nay chưa có sự ổn định. Chỉ số thành phần Chi phí không chính thức là điểm sáng trong bảng xếp hạng của đơn vị khi chỉ số này đạt điểm tuyệt đối (10 điểm). Tuy nhiên, đơn vị cần lưu ý cải thiện chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

10 Sở Y tế giữ nguyên vị trí xếp hạng so với năm 2020. Các chỉ số thành phần của đơn vị có mức điểm tương đối và đồng đều.

11 Sở Công Thương là đơn vị có vị trí xếp hạng giảm mạnh trong nhóm. Năm 2021, đơn vị giảm bảy bậc và xếp hạng 11/17. Từ năm 2017 đến năm 2020, vị trí xếp hạng của đơn vị có xu hướng tăng qua các năm. Năm 2021, các chỉ số thành phần của đơn vị có điểm số tương đối cao, nhiều chỉ số thành phần trên 8 điểm. Tuy nhiên xét về mặt bằng chung điểm số các chỉ số thành phần của đơn vị chưa thật sự bứt phá để giúp nâng cao điểm số DDCI và cạnh tranh vị trí xếp hạng với các đơn vị khác trong nhóm. Vì vậy, trong những năm tới đơn vị cần nỗ lực cải thiện tốt hơn các chỉ số để tiếp tục thăng hạng.

12 Sở Giao thông và vận tải tăng sáu bậc, xếp hạng 12/17. Đơn vị cần lưu ý cải thiện về chỉ số thành phần Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh. So sánh cả giai đoạn từ năm 2015 - 2021, vị trí xếp hạng của đơn vị có nhiều sự biến động, chưa ổn định và bền vững. Vì vậy, đơn vị cần lưu ý cải thiện để chỉ số DDCI những năm tiếp theo có sự thăng hạng bền vững hơn.

13 Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh tăng hai bậc so với năm 2020, xếp hạng 13/17. Từ năm 2018 đến năm 2020, vị trí xếp hạng của đơn vị có xu hướng giảm liên tục. Năm 2021, đơn vị đã có sự tăng hạng. Tuy mức tăng hạng còn nhỏ nhưng đã thể hiện được nỗ lực của

đơn vị trong việc cải thiện chất lượng môi trường kinh doanh. Điểm số các chỉ số thành phần của đơn vị tương đối đồng đều.

14 Ban Dân tộc xếp hạng 14/17, mức xếp hạng Khá. Đây là năm đầu tiên đơn vị được đưa vào để khảo sát chỉ số DDCI. Đơn vị cần lưu ý cải thiện các chỉ số thành phần: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

15 Thanh tra tỉnh là đơn vị có vị trí xếp hạng giảm mạnh nhất trong nhóm, đơn vị đã giảm 12 bậc, xếp hạng 15/17, xếp hạng Tương đối thấp. Đây là vị trí xếp hạng thấp nhất của đơn vị kể từ năm 2016 đến nay. Các chỉ số thành phần của đơn vị đạt điểm ở mức trung bình (5 điểm). Trong đó, chỉ số thành phần: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Chi phí không chính thức là các chỉ số có điểm số thấp nhất. Đơn vị cần lưu ý cải thiện trong các năm tiếp theo để nâng cao chỉ số DDCI.

16 Sở Tài nguyên và môi trường giảm một bậc, xếp hạng 16/17, mức xếp hạng Rất thấp. Điểm số DDCI của đơn vị giảm mạnh so với năm 2020 (giảm 62,72).

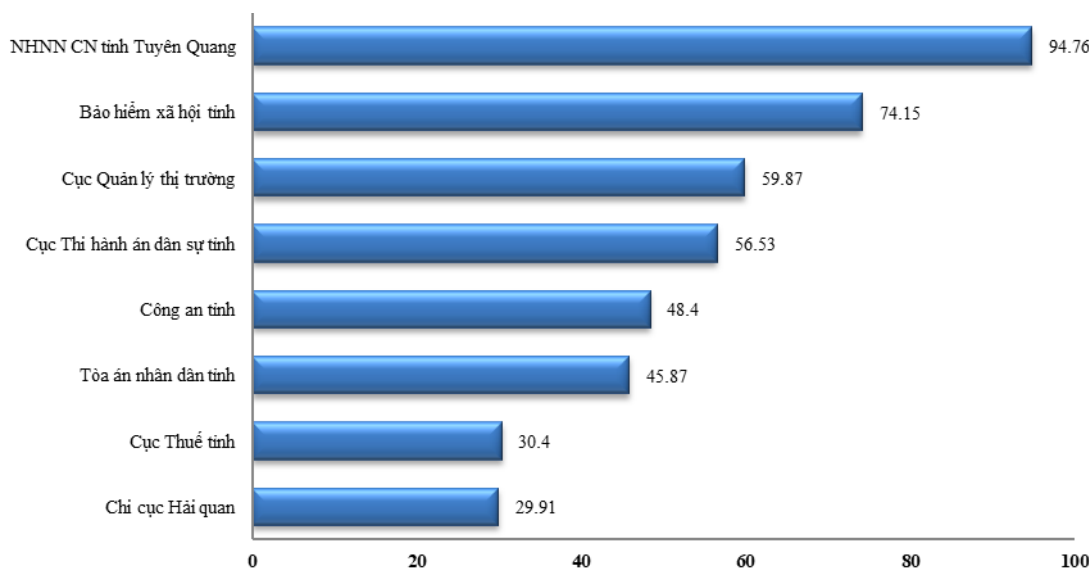
Sở Tài nguyên và môi trường là đơn vị có nhiều phiếu khảo sát đánh giá nhất trong nhóm (122 phiếu). Điều này thể hiện sự quan tâm rất lớn của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đối với đơn vị. Các chỉ số thành phần của đơn vị hầu hết đều đạt dưới 5 điểm, trong đó chỉ số thành phần: Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính; Tính năng động đạt điểm thấp nhất.

17 Sở Xây dựng giữ nguyên vị trí xếp hạng so với năm 2020, xếp hạng 17/17. Điểm số của đơn vị có sự sụt giảm mạnh (giảm 73,86 điểm), mức xếp hạng Rất thấp. Đây là năm thứ hai liên tiếp đơn vị nằm trong vị trí cuối cùng của nhóm xếp hạng. Điểm số các chỉ số thành phần của đơn vị rất thấp, trong đó có năm chỉ số thành phần có điểm số thấp nhất: Chi phí không chính thức; Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; Thiết chế pháp lý; Cạnh tranh bình đẳng; Hiệu quả xây dựng, tham mưu cho tỉnh các chính sách, quy định, giải pháp về hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh.

Đơn vị cần có sự nỗ lực hơn nữa trong những năm tiếp theo để tạo ra sự bứt phá thực sự, được cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ghi nhận.

(Kết quả điểm số và xếp hạng DDCI 2021 của từng đơn vị xem tại phụ biểu 02 kèm theo báo cáo)

4. Kết quả khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI các cơ quan ngành dọc của Trung ương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2021



Biểu đồ 15: Kết quả khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI năm 2021 các cơ quan ngành dọc của Trung ương trên địa bàn tỉnh

Bảng xếp hạng chỉ số DDCI năm 2021 các cơ quan ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang sự phân hóa ít nhất trong bốn nhóm xếp hạng. Điểm số giữa 08 đơn vị được khảo sát có sự chênh lệch ít nhất trong 04 nhóm xếp hạng (chênh lệch điểm số giữa đơn vị cao điểm nhất và đơn vị thấp điểm nhất là 64.85 điểm). Vị trí xếp hạng của các đơn vị trong nhóm cũng có ít biến động nhất so với hai nhóm còn lại. Trong nhóm có 03 đơn vị giữ nguyên vị trí xếp hạng, 02 đơn vị có vị trí xếp hạng tăng, 03 đơn vị có vị trí xếp hạng giảm.

1 Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang tiếp tục là đơn vị dẫn đầu bảng xếp hạng. Các chỉ số thành phần của đơn vị có điểm số rất cao, nhiều chỉ số thành phần được điểm tuyệt đối.

2 Bảo hiểm xã hội tỉnh xếp hạng 2/8. Vị trí xếp hạng của đơn vị giữ nguyên so với năm 2020. Từ năm 2018 đến nay vị trí xếp hạng của đơn vị có sự cải thiện và ổn định qua các năm.

Tuy nhiên, năm 2021 điểm số DDCI của đơn vị giảm 22,29 điểm. Điểm số các chỉ số thành phần của đơn vị có sự chênh lệch, không đồng đều. Một số chỉ số thành phần có điểm rất cao nhưng ngược lại, một số chỉ số thành phần điểm số rất thấp như: Thiết chế pháp lý; Cạnh tranh bình đẳng; Hiệu quả xây dựng, tham mưu cho tỉnh các chính sách, quy định, giải pháp về hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh. Chính điều này đã làm ảnh hưởng đến điểm số DDCI của đơn vị bị giảm điểm so với năm 2020.

3 Cục Quản lý thị trường tăng bốn bậc xếp hạng so với năm 2020, đơn vị xếp hạng 3/8. Từ năm 2018 đến nay, vị trí xếp hạng của đơn vị có

hiều sự biến động, chưa có sự bền vững và ổn định.

Điểm số DDCI của đơn vị giảm 33,37 điểm so với năm 2020, mức xếp hạng Trung bình. Điểm số các chỉ số thành phần của đơn vị ở mức tương đối và cần lưu ý cải thiện một số chỉ số có điểm số thấp: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Tính năng động; Hiệu quả thực thi các văn bản pháp luật.

4 Cục Thi hành án dân sự tỉnh giảm một bậc, xếp hạng 4/8. Điểm số DDCI đạt 56,53 (giảm 39,45 điểm so với năm 2020), mức xếp hạng Trung bình.

Điểm số các chỉ số thành phần của đơn vị không đồng đều. Chỉ số Hiệu quả xây dựng, tham mưu cho tỉnh các chính sách, quy định, giải pháp về hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh là điểm sáng trong các chỉ số thành phần của đơn vị. Tuy nhiên, chỉ số về Tính năng động; Văn hóa giao tiếp, cơ sở vật chất; Tính minh bạch và tiếp cận thông tin là những chỉ số đã làm giảm điểm DDCI của đơn vị.

5 Công an tỉnh tiếp tục giữ nguyên vị trí xếp hạng, xếp hạng 5/8. Điểm số DDCI của đơn vị giảm 47,3 điểm so với năm 2020 và nằm trong mức xếp hạng Tương đối thấp. Các chỉ số thành phần của đơn vị có điểm số dưới 7 điểm, trong đó có một số chỉ số thành phần điểm số rất thấp: Chi phí không chính thức; Thiết chế pháp lý.

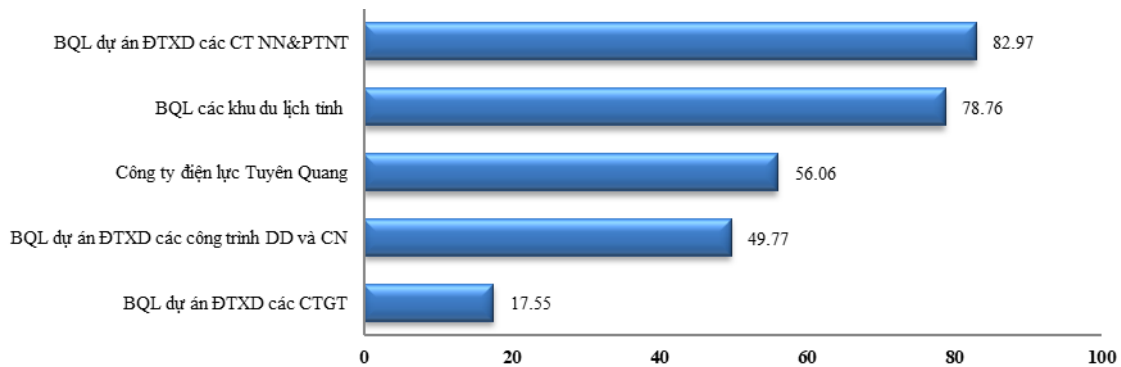
6 Tòa án nhân dân tỉnh tăng bốn bậc, xếp hạng 6/8. Vị trí xếp hạng của đơn vị từ năm 2015 đến nay chưa có sự ổn định, bền vững. Điểm số chỉ số thành phần của đơn vị tương đối thấp. Chỉ số thành phần: Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính; Cạnh tranh bình đẳng có điểm số thấp nhất

7 Cục Thuế tỉnh là đơn vị có vị trí xếp hạng giảm ba bậc so với năm 2020, xếp hạng 7/8. Điểm số DDCI của đơn vị cũng có sự sụt giảm mạnh (giảm 65,46 điểm so với năm 2020). Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của đơn vị được đánh giá với điểm số tương đối tốt. Tuy nhiên một số chỉ số thành phần có điểm số rất thấp đã làm giảm điểm và vị trí xếp hạng của đơn vị: Hiệu quả xây dựng, tham mưu cho tỉnh các chính sách, quy định, giải pháp về hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh; Hiệu quả thực thi các văn bản pháp luật; Tính năng động; Chi phí không chính thức; Thiết chế pháp lý.

8 Chi cục Hải quan giảm hai bậc, xếp hạng 8/8. Từ năm 2019 đến nay vị trí xếp hạng của đơn vị có chiều hướng giảm rất mạnh. Các chỉ số thành phần của đơn vị có điểm số rất thấp như: Thiết chế pháp lý; Cạnh tranh bình đẳng; Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

(Kết quả điểm số và xếp hạng DDCI 2021 của từng đơn vị xem tại phụ biểu 03 kèm theo báo cáo)

5. Kết quả khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và doanh nghiệp có vị trí độc quyền



Biểu đồ 16: Kết quả khảo sát và xếp hạng chỉ số DDCI năm 2021 các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và doanh nghiệp có vị trí độc quyền

Đây là năm đầu tiên chỉ số DDCI khảo sát đối với nhóm các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và doanh nghiệp có vị trí độc quyền. Các đơn vị trong nhóm này được tách ra từ nhóm các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và nhóm các cơ quan ngành dọc của Trung ương trên địa bàn tỉnh. Trong nhóm có 05 đơn vị được khảo sát. Điểm số giữa các đơn vị trong nhóm có sự phân hoá rõ rệt nhất trong 04 nhóm; tương ứng với các mức xếp hạng khác nhau.

1 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn là đơn vị giữ vị trí đầu tiên trong bảng xếp hạng, đạt 82.97 điểm, mức xếp hạng Rất tốt.

Kết quả khảo sát của đơn vị khi còn nằm trong nhóm các các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh cũng được đánh giá có chiều hướng cải thiện qua từng năm. Từ năm 2018 đơn vị liên tục tăng hạng và năm 2021, khi được tách ra trong nhóm mới thì đơn vị đã bứt phá lên vị trí dẫn đầu.

Các chỉ số thành phần của đơn vị được đánh giá ở mức tương đối cao, trong đó có một số chỉ số thành phần đạt điểm tuyệt đối: Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh; Cạnh tranh bình đẳng; Hiệu quả thực thi các văn bản pháp luật.

2 Ban Quản lý các khu du lịch tỉnh là năm thứ hai được tham gia khảo sát xếp hạng chỉ số DDCI. Năm 2021 vị trí xếp hạng của đơn vị được cải thiện rất tốt và đứng thứ hai trong nhóm. Tuy nhiên, điểm số DDCI của đơn vị (đạt 78.76 điểm) chưa đủ để đưa đơn vị vào nhóm xếp hạng Rất tốt.

Điểm số các chỉ số thành phần của đơn vị chưa có sự đồng đều. Một số chỉ số thành phần có điểm số tuyệt đối: Văn hóa giao tiếp, cơ sở vật chất khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính; Tính năng động; Chi phí không chính thức. Tuy nhiên một số chỉ số thành phần có điểm số thấp như: Cạnh tranh bình đẳng; Hiệu

quả thực thi các văn bản pháp luật. Các chỉ số này đã góp phần làm giảm điểm DDCI của đơn vị và không nằm trong nhóm xếp hạng Rất tốt.

3 Công ty điện lực Tuyên Quang là doanh nghiệp có vị trí độc quyền trong nhóm. Năm 2021, đơn vị xếp hạng 3/5, đạt 56.06 điểm, mức xếp hạng Trung bình. Tuy điểm số DDCI của đơn vị chưa được cao nhưng vị trí xếp hạng đã được cải thiện nhiều so với các năm trước đây (từ năm 2017 đến năm 2020 đơn vị hầu như xếp vị trí cuối trong bảng xếp hạng). Điều này thể hiện các nỗ lực của đơn vị đã được ghi nhận.

Tuy nhiên một số chỉ số thành phần đơn vị cần chú ý cải thiện: Cạnh tranh bình đẳng; Hiệu quả xây dựng, tham mưu cho tỉnh các chính sách, quy định, giải pháp về hỗ trợ, phát triển sản xuất, kinh doanh để nâng cao điểm số và vị trí xếp hạng DDCI những năm tiếp theo.

4 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và công nghiệp tỉnh xếp hạng 4/5, đạt điểm số DDCI đạt 49,77, mức xếp hạng Tương đối thấp. Chỉ số thành phần: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính là những điểm sáng trong các chỉ số thành phần của đơn vị khi điểm số các chỉ số này rất cao. Ngược lại, một số chỉ số thành phần điểm số rất thấp đã kéo tụt điểm DDCI của đơn vị xuống: Chi phí không chính thức; Cạnh tranh bình đẳng.

5 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh xếp cuối trong bảng xếp hạng. Điểm số DDCI của đơn vị ở mức Rất thấp. So với năm 2020, đơn vị đã giảm 70.94 điểm. Từ năm 2018 đến nay, vị trí xếp hạng của đơn vị chưa được cải thiện rõ rệt.

Các chỉ số thành phần của đơn vị đều có điểm số rất thấp. Chỉ có chỉ số thành phần về Cạnh tranh bình đẳng của đơn vị có điểm số trên 5 điểm. Đơn vị có năm chỉ số thành phần đạt điểm thấp nhất trong nhóm xếp hạng. Ban quản lý cần nỗ lực hơn nữa để cải thiện các chỉ số thành phần còn có điểm số thấp để thăng hạng trong các năm tiếp theo.

(Kết quả điểm số và xếp hạng DDCI 2021 của từng đơn vị xem tại phụ biểu 04 kèm theo báo cáo)

CHƯƠNG III

DDCI - 12 CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CỐT LÕI VÀ KHUYẾN NGHỊ

Chỉ số DDCI năm 2021 được cấu tạo từ 12 chỉ số thành phần với 24 tiêu chí (câu hỏi) để lấy ý kiến khảo sát, đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Kết quả điểm số khảo sát DDCI đã xếp hạng được các đơn vị. Tuy nhiên, mỗi đơn vị cần phải nghiên cứu về nội dung của từng tiêu chí trong mỗi chỉ số thành phần để nhìn nhận những kết quả mà cộng đồng doanh nghiệp đã ghi nhận và những tồn tại, hạn chế mà cộng đồng doanh nghiệp chỉ ra. Từ mỗi vấn đề cụ thể, các sở, ban, ngành, huyện, thành phố sẽ có giải pháp để cải thiện những nội dung còn hạn chế.

Việc phân tích, đánh giá các chỉ số thành phần sẽ theo 04 nhóm: Các huyện, thành phố (nhóm 1); Các sở, ban, ngành thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (nhóm 2); Các cơ quan ngành dọc của trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (nhóm 3); Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và doanh nghiệp có vị trí độc quyền (nhóm 4)

1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

Tính minh bạch thông tin đề cập tới khả năng các đối tượng kinh doanh có thể tìm hiểu, tiếp cận đến những kế hoạch và văn bản pháp lý mang tính chất công khai của huyện, thành phố, sở, ban, ngành cần thiết cho hoạt động kinh doanh của mình. Sự sẵn có của các loại tài liệu, mức độ tiện dụng của việc tìm kiếm và sự dễ dàng trong tiếp cận thông tin là những yêu cầu cần thiết để đảm bảo cho tính minh bạch.

Chỉ số này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về mức độ dễ dàng trong việc tiếp cận các thông tin, tài liệu theo quy định pháp luật từ cơ quan nhà nước; (2) Đánh giá về khả năng đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin từ Website của cơ quan nhà nước.

STT	Nhóm	Đơn vị cần cải thiện CSTP	Trong đó:	
			Cải thiện tiêu chí: Tiếp cận các thông tin, tài liệu theo quy định pháp luật từ cơ quan nhà nước	Cải thiện tiêu chí: Cung cấp thông tin từ Website
1	Nhóm 1	- Huyện Sơn Dương - Huyện Lâm Bình - Thành phố Tuyên Quang	- Thành phố Tuyên Quang	- Huyện Sơn Dương - Huyện Lâm Bình - Thành phố Tuyên Quang
2	Nhóm 2	- Ban Dân tộc - Thanh tra tỉnh - Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng	- Ban Dân tộc - Thanh tra tỉnh - Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng	- Thanh tra tỉnh - Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng
3	Nhóm 3	- Toà án nhân dân tỉnh - Cục Quản lý thị trường - Cục Thi hành án dân sự - Chi cục Hải quan	- Công an tỉnh - Toà án nhân dân tỉnh - Cục Quản lý thị trường - Chi cục Hải quan	- Toà án nhân dân tỉnh - Cục Thi hành án dân sự - Chi cục Hải quan
4	Nhóm 4	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình NN và PTNT - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông

Bảng số 04: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin và những tiêu chí cụ thể

2. Văn hóa giao tiếp, cơ sở vật chất khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính

Công tác cải cách hành chính bao gồm rất nhiều nội dung khác nhau, trong đó văn hóa công sở, thái độ giao tiếp của cán bộ công chức, cơ sở vật chất đáp ứng cho công việc là một nội dung rất quan trọng.

Hiện nay trong quá trình đổi mới đất nước thực hiện mở rộng các mối quan hệ giữa Nhà nước với công dân, các tổ chức quốc tế, thì các cơ quan Nhà nước, cán bộ, công chức phải tiếp xúc rất nhiều với công dân, tổ chức trong việc giải quyết các công việc, thủ tục hành chính, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Do vậy nếu cán bộ, công chức không có trình độ ứng xử, giao tiếp tốt và điều kiện cơ sở vật chất được đáp ứng đầy đủ thì sẽ gây ảnh hưởng không tốt đến cách nhìn của doanh nghiệp và người dân đối với các cơ quan hành chính nhà nước.

Chỉ số này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá mức độ hài lòng về văn hoá giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính; (2) Đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính tại cơ quan nhà nước.

STT	Nhóm	Đơn vị cần cải thiện CSTP	Trong đó:	
			Cải thiện tiêu chí: Văn hoá giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức	Cải thiện tiêu chí: Cơ sở vật chất, trang thiết bị
1	Nhóm 1	- Thành phố Tuyên Quang	- Thành phố Tuyên Quang	- Huyện Lâm Bình - Thành phố Tuyên Quang
2	Nhóm 2	- Thanh tra tỉnh - Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng	- Thanh tra tỉnh - Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng	- Ban Dân tộc - Thanh tra tỉnh - Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng
3	Nhóm 3	- Công an tỉnh - Chi cục Hải quan - Cục Thi hành án dân sự tỉnh	- Cục Quản lý thị trường - Cục Thuế tỉnh - Công an tỉnh - Chi cục Hải quan - Cục Thi hành án dân sự tỉnh	- Tòa án nhân dân tỉnh - Chi cục Hải quan - Cục Thi hành án dân sự tỉnh
4	Nhóm 4	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD và CN - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông

Bảng số 05: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Văn hóa giao tiếp, cơ sở vật chất khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính và những tiêu chí cụ thể

3. Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính

Thời gian thực hiện công việc, thủ tục hành chính cũng là vấn đề còn nhiều tồn tại, bất cập gây khó khăn cho đối tượng kinh doanh khi muốn giải quyết các công việc, thủ tục hành chính. Thời gian giải quyết công việc, thủ tục hành chính là thời gian từ khi đối tượng kinh doanh có đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết công việc, thủ tục hành chính.

Chỉ số thành phần này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về thời gian giải quyết công việc, thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước; (2) Đánh giá việc giải quyết công việc, thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích theo quy định.

STT	Nhóm	Đơn vị cần cải thiện CSTP	Trong đó:	
			Cải thiện tiêu chí: Thời gian giải quyết công việc, thủ tục hành chính	Cải thiện tiêu chí: Giải quyết công việc, TTHC qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ BCCI
1	Nhóm 1	- Thành phố Tuyên Quang	- Thành phố Tuyên Quang	- Thành phố Tuyên Quang
2	Nhóm 2	- Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng	- Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng	- Sở Công Thương - Ban quản lý các khu công nghiệp - Thanh tra tỉnh - Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng
3	Nhóm 3	- Chi cục Hải quan - Cục Thuế tỉnh - Công an tỉnh - Tòa án nhân dân tỉnh	- Tòa án nhân dân tỉnh	- Cục Thi hành án dân sự tỉnh - Chi cục Hải quan - Cục Thuế tỉnh - Công an tỉnh - Tòa án nhân dân tỉnh
4	Nhóm 4	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình NN và PTNT - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông

Bảng số 06: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính và những tiêu chí cụ thể

4. Tính năng động

Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo sở, ban, ngành, huyện, thành phố có thể nhìn nhận dựa trên nhiều khía cạnh khác nhau. Lãnh đạo sở, ban, ngành, huyện, thành phố là người đưa ra hoặc tập hợp các sáng kiến về phát triển kinh tế thuộc lĩnh vực, địa phương mình phụ trách thông qua các chương trình, dự án cụ thể. Lãnh đạo cũng có thể vận dụng linh hoạt các chính sách, quy định của Trung ương, của tỉnh trong phạm vi cho phép để tạo điều kiện dễ dàng hơn cho các đối tượng kinh doanh. Mức độ thành công của người lãnh đạo trong thực hiện có thể được đánh giá bởi dư luận và bản thân các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Chỉ số này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về sự mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương, quyết định, chính sách,... của cơ quan nhà nước cấp trên; (2) Đánh giá về vai trò của người đứng đầu cơ quan nhà nước trong công tác lãnh, chỉ đạo cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại địa phương, sở, ban, ngành.

STT	Nhóm	Đơn vị cần cải thiện CSTP	Trong đó:	
			Cải thiện tiêu chí: Sự mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương, quyết định, chính sách,... của CQNN cấp trên	Cải thiện tiêu chí: Vai trò của người đứng đầu cơ quan nhà nước
1	Nhóm 1	- Thành phố Tuyên Quang	- Thành phố Tuyên Quang	- Huyện Na Hang - Thành phố Tuyên Quang
2	Nhóm 2	- Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng	- Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng	- Sở Văn hoá, thể thao và du lịch - Thanh tra tỉnh - Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng
3	Nhóm 3	- Cục Quản lý thị trường - Chi cục Hải quan - Cục Thuế tỉnh - Cục Thi hành án dân sự	- Công an tỉnh - Cục Quản lý thị trường - Cục Thuế tỉnh - Cục Thi hành án dân sự	- Cục Quản lý thị trường - Chi cục Hải quan - Cục Thuế tỉnh - Cục Thi hành án dân sự
4	Nhóm 4	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	- Công ty điện lực Tuyên Quang - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD và CN - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông

Bảng số 07: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Tính năng động và những tiêu chí cụ thể

5. Chi phí không chính thức

Chi phí không chính thức là những khoản chi ngoài quy định mà các đối tượng kinh doanh phải đưa ra cho các cán bộ nhà nước để có thể thực hiện các công việc của họ một cách dễ dàng hơn. Biếu tiền, mời tiệc chiêu đãi, lại quả hợp đồng, bồi dưỡng cho cán bộ,... là những hình thức khác nhau của chi phí không chính thức. Do vậy, chỉ số chi phí không chính thức là công cụ để đo lường các khoản chi phí không chính thức mà các tổ chức kinh doanh phải trả và các trở ngại do những chi phí không chính thức này gây ra đối với hoạt động kinh doanh của họ, việc trả những khoản chi phí không chính thức có đem lại kết quả hay “dịch vụ” như mong đợi và liệu các cán bộ nhà nước có sử dụng các quy định của địa phương để trục lợi hay không.

Chỉ số này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về mức độ phải trả chi phí không chính thức cho cơ quan nhà nước so với doanh thu của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; (2) Đánh giá về ảnh hưởng, tác động của chi phí không chính thức đến kết quả giải quyết công việc, thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

STT	Nhóm	Đơn vị cần cải thiện CSTP	Trong đó:	
			Cải thiện tiêu chí: Mức độ phải trả chi phí không chính thức cho cơ quan nhà nước	Cải thiện tiêu chí: Ảnh hưởng, tác động của CPKCT đến kết quả giải quyết công việc, TTTC
1	Nhóm 1	- Thành phố Tuyên Quang	- Thành phố Tuyên Quang	- Huyện Lâm Bình - Thành phố Tuyên Quang
2	Nhóm 2	- Thanh tra tỉnh - Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng	- Thanh tra tỉnh - Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng	- Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng
3	Nhóm 3	- Tòa án nhân dân tỉnh - Công an tỉnh - Cục Thuế tỉnh	- Tòa án nhân dân tỉnh - Công an tỉnh - Cục Thuế tỉnh	- Chi cục Hải quan - Công an tỉnh - Cục Thuế tỉnh
4	Nhóm 4	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình NN và PTNT - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD và CN - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình NN và PTNT - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD và CN - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD và CN - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông

Bảng số 08: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Chi phí không chính thức và những tiêu chí cụ thể

6. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ số này đề cập đến vấn đề hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ở tất cả mọi lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của từng sở, ban, ngành; các huyện, thành phố dưới nhiều hình thức khác nhau như: hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, viễn thông, lao động, các chương trình khuyến công, khuyến nông, chương trình khuyến khích sản xuất lớn, chương trình đào tạo khởi sự doanh nghiệp, chương trình xúc tiến thương mại,... Mục đích cuối cùng là làm sao để tạo điều kiện giúp các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phát triển tốt nhất và thu hút đầu tư vào tỉnh.

Năm 2021, đại dịch Covid 19 đã ảnh hưởng tiêu cực đến mọi mặt đời sống kinh tế xã hội, nhất là hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Chỉ số này sẽ đề cập đến vấn đề xây dựng/ thực hiện các chính sách, giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vượt qua khó khăn do dịch Covid 19 từ phía các cơ quan nhà nước.

Chỉ số này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về chất lượng các chương trình hỗ trợ do cơ quan nhà nước thực hiện; (2) Đánh giá việc xây dựng/ thực hiện các chính sách, giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vượt qua khó khăn do dịch Covid 19 của cơ quan nhà nước.

STT	Nhóm	Đơn vị cần cải thiện CSTP	Trong đó:	
			Cải thiện tiêu chí: Chất lượng các chương trình hỗ trợ	Cải thiện tiêu chí: Việc xây dựng, thực hiện các chính sách, giải pháp vượt qua khó khăn do dịch Covid 19
1	Nhóm 1	- Huyện Lâm Bình - Thành phố Tuyên Quang	- Huyện Lâm Bình - Thành phố Tuyên Quang	- Huyện Lâm Bình - Thành phố Tuyên Quang
2	Nhóm 2	- Ban Dân tộc - Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng	- Sở Giao thông vận tải - Ban Dân tộc - Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng	- Ban Dân tộc - Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng
3	Nhóm 3	- Chi cục Hải quan - Cục Thuế tỉnh	- Chi cục Hải quan - Cục Thuế tỉnh	- Chi cục Hải quan - Cục Thuế tỉnh
4	Nhóm 4	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông

Bảng số 09: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh và những tiêu chí cụ thể

7. Thiết chế pháp lý

Chỉ số này đo lường lòng tin của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đối với cơ quan nhà nước trong việc sử dụng các thiết chế pháp lý để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, giải quyết tranh chấp hoặc là nơi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có thể yêu cầu xử lý những hành vi nhũng nhiễu của cán bộ công quyền, tránh các hành vi lợi dụng hoặc không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật để gây nhũng nhiễu, khó khăn cho đối tượng kinh doanh khi giải quyết các công việc, thủ tục hành chính.

Chỉ số này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về việc xử lý các cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu; (2) Đánh giá về việc tham mưu, giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật hoặc tranh chấp của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

STT	Nhóm	Đơn vị cần cải thiện CSTP	Trong đó:	
			Cải thiện tiêu chí: Xử lý các cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu	Cải thiện tiêu chí: Việc tham mưu, giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật hoặc tranh chấp
1	Nhóm 1	- Thành phố Tuyên Quang	- Huyện Lâm Bình - Thành phố Tuyên Quang	- Thành phố Tuyên Quang
2	Nhóm 2	- Sở Xây dựng	- Sở Xây dựng	- Thanh tra tỉnh - Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng
3	Nhóm 3	- Toà án nhân dân tỉnh - Công an tỉnh - Chi cục Hải quan - Cục Thuế tỉnh	- Toà án nhân dân tỉnh - Công an tỉnh - Chi cục Hải quan - Cục Thuế tỉnh	- Cục Quản lý thị trường - Toà án nhân dân tỉnh - Công an tỉnh - Chi cục Hải quan - Cục Thuế tỉnh
4	Nhóm 4	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD và CN - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD và CN - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD và CN - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông

Bảng số 10: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Thiết chế pháp lý và những tiêu chí cụ thể

8. Cạnh tranh bình đẳng

Chỉ số này đánh giá về việc đối xử công bằng của các sở, ban, ngành, huyện, thành phố đối với các đối tượng kinh doanh, bao gồm sự công bằng giữa các doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước, FDI, doanh nghiệp thân hữu cũng như mức độ quan tâm tới doanh nghiệp tư nhân.

Việc xây dựng chỉ số cạnh tranh bình đẳng trong chỉ số DDCI sẽ góp phần phản ánh đầy đủ và hoàn thiện các khía cạnh thay đổi mà doanh nghiệp đề cập. Đồng thời thể hiện được các hình thức ưu đãi, gây mất bình đẳng đối với các doanh nghiệp trong sân chơi kinh doanh. Điều này góp phần tăng cường tiếng nói của cộng đồng doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, vì một nền kinh tế cạnh tranh bình đẳng hơn trong thời gian tới.

Chỉ số này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về mức độ xuất hiện của các doanh nghiệp sân sau, doanh nghiệp có liên kết (“thân hữu”) với cơ quan nhà nước; (2) Đánh giá về sự đối xử công bằng của cơ quan nhà nước đối với tất cả các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

STT	Nhóm	Đơn vị cần cải thiện CSTP	Trong đó:	
			Cải thiện tiêu chí: Mức độ xuất hiện của các DN sân sau	Cải thiện tiêu chí: Sự đối xử công bằng của cơ quan nhà nước
1	Nhóm 1	- Thành phố Tuyên Quang	- Huyện Na Hang - Thành phố Tuyên Quang	- Huyện Sơn Dương - Thành phố Tuyên Quang
2	Nhóm 2	- Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng	- Sở Xây dựng	- Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng
3	Nhóm 3	- Cục Thuế tỉnh - Bảo hiểm xã hội tỉnh - Tòa án nhân dân tỉnh - Chi cục Hải quan	- Cục Thuế tỉnh - Bảo hiểm xã hội tỉnh - Tòa án nhân dân tỉnh - Chi cục Hải quan	- Cục Thuế tỉnh - Bảo hiểm xã hội tỉnh - Tòa án nhân dân tỉnh - Chi cục Hải quan
4	Nhóm 4	- Ban Quản lý các khu du lịch tỉnh - Công ty điện lực Tuyên Quang - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD và CN	- Ban Quản lý các khu du lịch tỉnh - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD và CN	- Công ty điện lực Tuyên Quang - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD và CN - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông

Bảng số 11: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Cạnh tranh bình đẳng và những tiêu chí cụ thể

9. An ninh trật tự

Đây là một trong các chỉ số ảnh hưởng lớn đến sức hấp dẫn trong môi trường đầu tư kinh doanh của các địa phương. Nếu một địa phương có tình hình an ninh trật tự tốt, doanh nghiệp sẽ yên tâm hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh và ngược lại.

Chỉ số này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về mức độ an toàn, an ninh trật tự cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, người lao động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt trên địa bàn; (2) Đánh giá về vấn đề chi phí cho các dịch vụ bảo kê hoặc hỗ trợ xã hội phi chính thức.

STT	Nhóm	Đơn vị cần cải thiện CSTP	Trong đó:	
			Cải thiện tiêu chí: Mức độ an toàn, an ninh trật tự	Cải thiện tiêu chí: Chi phí cho các dịch vụ bảo kê hoặc hỗ trợ xã hội phi chính thức
1	Nhóm 1	- Thành phố Tuyên Quang - Huyện Lâm Bình	- Huyện Yên Sơn - Thành phố Tuyên Quang - Huyện Lâm Bình	- Huyện Lâm Bình

Bảng số 12: Các đơn vị cần cải thiện CSTP An ninh trật tự và những tiêu chí cụ thể

10. Tiếp cận đất đai

Chỉ số về tiếp cận đất đai được lựa chọn là một chỉ số thành phần trong những chỉ số đánh giá năng lực quản lý ở cấp huyện, thành phố để nhằm so sánh, đánh giá về mức độ thuận lợi, dễ dàng trong việc tiếp cận đất đai, mặt bằng để tiến hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tại từng địa phương.

Chỉ số này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về khả năng tiếp cận mặt bằng kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; (2) Đánh giá về sự phù hợp của giá đất theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành áp dụng trên địa bàn.

STT	Nhóm	Đơn vị cần cải thiện CSTP	Trong đó:	
			Cải thiện tiêu chí: Khả năng tiếp cận mặt bằng kinh doanh	Cải thiện tiêu chí: Sự phù hợp của giá đất
1	Nhóm 1	- Thành phố Tuyên Quang	- Thành phố Tuyên Quang	- Thành phố Tuyên Quang

Bảng số 13: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Tiếp cận đất đai và những tiêu chí cụ thể

11. Hiệu quả xây dựng, tham mưu cho tỉnh các chính sách, quy định, giải pháp về hỗ trợ, phát triển sản xuất, kinh doanh

Các sở, ban, ngành là cơ quan chính thực hiện việc tham mưu cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách, quy định, giải pháp về phát triển, hỗ trợ sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn toàn tỉnh. Mỗi sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phải tham mưu đảm bảo đúng quy định pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Chỉ số này sẽ đề cập đến mức độ chủ động, kịp thời và phù hợp trong việc tham mưu cơ chế, chính sách, quy định, giải pháp cho tỉnh trong mỗi ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của các sở, ban, ngành.

Chỉ số này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về mức độ đề xuất, tham mưu các chính sách, quy định cho tỉnh nhằm hỗ trợ, phát triển sản xuất kinh doanh của cơ quan nhà nước; (2) Đánh giá về tính phù hợp, hiệu quả, thiết thực của các chính sách, quy định hỗ trợ, phát triển sản xuất kinh doanh do cơ quan nhà nước tham mưu cho tỉnh.

STT	Nhóm	Đơn vị cần cải thiện CSTP	Trong đó:	
			Cải thiện tiêu chí: Mức độ đề xuất, tham mưu các chính sách, quy định cho tỉnh	Cải thiện tiêu chí: Tính phù hợp, hiệu quả, thiết thực của các chính sách, quy định
1	Nhóm 2	- Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng	- Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng	- Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng
2	Nhóm 3	- Công an tỉnh - Bảo hiểm xã hội tỉnh - Chi cục Hải quan - Cục Thuế tỉnh	- Bảo hiểm xã hội tỉnh - Chi cục Hải quan - Cục Thuế tỉnh	- Công an tỉnh - Bảo hiểm xã hội tỉnh - Chi cục Hải quan - Cục Thuế tỉnh
3	Nhóm 4	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD và CN - Công ty điện lực Tuyên Quang - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	- Ban Quản lý các khu du lịch tỉnh - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD và CN - Công ty điện lực Tuyên Quang - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông

Bảng số 14: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Hiệu quả xây dựng, tham mưu cho tỉnh các chính sách, quy định, giải pháp về hỗ trợ, phát triển sản xuất, kinh doanh và những tiêu chí cụ thể

12. Hiệu quả thực thi các văn bản pháp luật

Nếu chỉ số về “*Hiệu quả xây dựng, tham mưu cho tỉnh các chính sách, quy định về hỗ trợ, phát triển sản xuất, kinh doanh*” đề cập đến vấn đề xây dựng pháp luật thì chỉ số về “*Hiệu quả thực thi các văn bản pháp luật*” đề cập đến vấn đề thi hành pháp luật, hay nói cách khác chính là đưa các quy định pháp luật vào thực tế.

Các sở, ban, ngành phải là những đơn vị đi đầu, thực thi chính xác, hiệu quả các cơ chế, chính sách, quy định của Trung ương và tỉnh. Chỉ số “*Hiệu quả thực thi các văn bản pháp luật*” sẽ đánh giá về mức độ, hiệu quả trong việc tuân thủ, thi hành quy định pháp luật của Trung ương, của tỉnh đối với từng sở, ban, ngành. Chú trọng giải quyết các bất cập do quy định chưa cụ thể, chồng chéo, mâu thuẫn về quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực như: đầu tư, đất đai, xây dựng, tài nguyên môi trường,...; thực hiện tích hợp các văn bản pháp luật để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, dễ tra cứu, dễ hiểu và dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật.

Chỉ số thành phần này gồm các tiêu chí cụ thể: (1) Đánh giá về việc xử lý những bất cập lớn, những vấn đề nóng thuộc thẩm quyền quản lý; (2) Đánh giá việc thực thi văn bản pháp luật của cơ quan Nhà nước đảm bảo nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định.

STT	Nhóm	Đơn vị cần cải thiện CSTP	Trong đó:	
			Cải thiện tiêu chí: Tham mưu cho tỉnh xử lý những bất cập lớn, những vấn đề nóng	Cải thiện tiêu chí: Việc thực thi văn bản pháp luật của cơ quan Nhà nước
1	Nhóm 2	- Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng	- Thanh tra tỉnh - Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng	- Sở Tài nguyên và môi trường - Sở Xây dựng
2	Nhóm 3	- Cục Quản lý thị trường - Tòa án nhân dân tỉnh - Chi cục Hải quan - Cục Thuế tỉnh	- Cục Thi hành án dân sự tỉnh - Tòa án nhân dân tỉnh - Chi cục Hải quan - Cục Thuế tỉnh	- Công an tỉnh - Cục Quản lý thị trường - Cục Thuế tỉnh
3	Nhóm 4	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD và CN - Ban Quản lý các khu du lịch tỉnh - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	- Ban Quản lý các khu du lịch tỉnh - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD và CN - Công ty điện lực Tuyên Quang - Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông

Bảng số 15: Các đơn vị cần cải thiện CSTP Hiệu quả thực thi các văn bản pháp luật và những tiêu chí cụ thể

PHỤ BIỂU 01:

BẢNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ DDCI CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2021

STT	Tên huyện, thành phố, sở, ban, ngành	Số phiếu trả lời	Chỉ số thành phần và tiêu chí										DDCI (Thang điểm 100)	Xếp hạng
			CS 1	CS 2	CS 3	CS 4	CS 5	CS 6	CS 7	CS 8	CS 9	CS 10		
1	Huyện Hàm Yên	88	9.83	10	9.14	9.56	10	9.62	10	8.33	9.06	9.26	94.8	Rất tốt
2	Huyện Chiêm Hóa	147	8.46	8.9	10	10	9.76	8.31	8.81	9.76	9.48	9.6	93.08	Rất tốt
3	Huyện Na Hang	77	6.72	7.49	7.72	5.97	9.57	8.23	8.87	5.56	9.67	9.16	78.96	Tốt
4	Huyện Yên Sơn	97	8.51	7.41	8.64	7.12	8.38	7.12	8.03	7.6	5.31	7.07	75.19	Tốt
5	Huyện Sơn Dương	106	4.88	6.64	6.98	7.01	9.05	6.98	7.45	5.9	7.94	6.32	69.15	Khá
6	Huyện Lâm Bình	56	4.49	5.44	7.85	6.07	5.3	4.54	5.16	8.32	2.31	8.71	58.19	Trung bình
7	Thành phố Tuyên Quang	152	1	1	1	1	1	1	1	1	3.57	1	12.57	Rất thấp

Ghi chú:

CS 1: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

CS 2: Văn hóa giao tiếp, cơ sở vật chất khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính

CS 3: Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính

CS 4: Tính năng động

CS 5: Chi phí không chính thức

CS 6: Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh

CS 7: Thiết chế pháp lý

CS 8: Cạnh tranh bình đẳng

CS 9: An ninh trật tự

CS 10: Tiếp cận đất đai

PHỤ BIỂU 02

BẢNG XẾP HẠNG DDCI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC VÀ TRỰC THUỘC UBND TỈNH NĂM 2021

STT	Tên huyện, thành phố, sở, ban, ngành	Số phiếu trả lời	Chỉ số thành phần và tiêu chí										DDCI (Thang điểm 100)	Xếp hạng
			CS 1	CS 2	CS 3	CS 4	CS 5	CS 6	CS 7	CS 8	CS 9	CS 10		
1	Sở Tư pháp	68	9.77	8.48	9.66	8.25	7.64	8.47	9.1	8.37	8.8	8.63	87.17	Rất tốt
2	Sở Lao động, thương binh và xã hội	55	8.27	6.84	8.86	7.35	8.83	9.43	9.49	9.4	8.88	9.27	86.62	Rất tốt
3	Sở Khoa học và công nghệ	40	8.34	7.93	8.67	9.57	6.94	8.07	9.34	9.32	8.06	9.19	85.43	Rất tốt
4	Sở Thông tin và truyền thông	45	7.53	6.14	7.76	6.32	7.32	7.62	10	10	9.41	10	82.1	Rất tốt
5	Sở Kế hoạch và đầu tư	104	9.81	8.51	7.52	7.27	8.29	7.05	8.2	8.45	8.42	8.48	82	Rất tốt
6	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	43	6.18	8.36	7.72	6.48	8.92	7.39	9.46	8.38	9.92	9.16	81.97	Rất tốt
7	Sở Tài chính	69	7.77	8.67	7.51	8.97	9.2	7.96	9.26	6.53	8.11	7.73	81.71	Rất tốt
8	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	43	9.47	9.37	8.36	6.54	8.25	7.39	7.46	8.05	6.5	8.04	79.43	Tốt
9	Sở Giáo dục và đào tạo	40	7.39	8.68	8.21	6.13	10	5.95	7.77	9.36	7.41	8.46	79.36	Tốt
10	Sở Y tế	62	8.96	6.32	7.23	7.66	7.06	9	8.96	8.22	8.07	7.83	79.31	Tốt
11	Sở Công Thương	70	7.58	8.24	6.97	6.3	8.11	6.69	8.94	8.04	8.8	8.66	78.33	Tốt
12	Sở Giao thông vận tải	58	7.95	8.23	8.28	6.52	8.44	5.68	7.79	8.37	6.29	8.3	75.85	Tốt
13	Ban quản lý các khu công nghiệp	53	7.41	6.54	6.86	6.72	7.4	5.98	7.36	8.46	7.67	8.98	73.38	Tốt
14	Ban Dân tộc	40	4.96	5.49	7.79	6.06	6.02	4.48	6.5	6.57	8.45	6.74	63.06	Khá
15	Thanh tra tỉnh	50	2.69	4.71	5.22	5.4	4.91	5.3	5.34	5.28	5.3	5.07	49.22	Tương đối thấp
16	Sở Tài nguyên và môi trường	122	1.44	2.19	1	1	3.43	1.42	5.8	4.78	3.15	2.05	26.26	Rất thấp
17	Sở Xây dựng	87	1.15	1.24	3.09	1.35	1	1	1	1	1	1.48	13.31	Rất thấp

Ghi chú:

CS 1: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

CS 2: Văn hóa giao tiếp, cơ sở vật chất khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính

CS 3: Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính

CS 4: Tính năng động

CS 5: Chi phí không chính thức

CS 6: Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh

CS 7: Thiết chế pháp lý

CS 8: Cạnh tranh bình đẳng

CS 9: Hiệu quả xây dựng, tham mưu cho tỉnh các chính sách, quy định, giải pháp về hỗ trợ, phát triển sản xuất, kinh doanh

CS 10: Hiệu quả thực thi các văn bản pháp luật

(Dữ liệu được trích xuất từ hệ thống: ddci.tuyenquang.gov.vn)

PHỤ BIỂU 03

BẢNG XẾP HẠNG DDCI CÁC CƠ QUAN NGÀNH DỤC CỦA TRUNG ƯƠNG ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2021

STT	Tên huyện, thành phố, sở, ban, ngành	Số phiếu trả lời	Chỉ số thành phần và tiêu chí										DDCI (Thang điểm 100)	Xếp hạng
			CS 1	CS 2	CS 3	CS 4	CS 5	CS 6	CS 7	CS 8	CS 9	CS 10		
1	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang	59	10	8.51	8.65	10	8.28	9.88	10	9.44	10	10	94.76	Rất tốt
2	Bảo hiểm xã hội tỉnh	106	9.53	8.93	9.34	6.71	9.41	8.53	5.9	3.86	3.88	8.06	74.15	Tốt
3	Cục Quản lý thị trường	42	3.99	5.87	6.18	4.34	6.65	8.3	5.75	8.44	5.79	4.56	59.87	Trung bình
4	Cục Thi hành án dân sự tỉnh	33	3.61	1.77	6.08	1	7.41	6.94	7.36	7.31	9.55	5.5	56.53	Trung bình
5	Công an tỉnh	60	5.27	4.01	4.11	5.26	2.46	7.88	2.23	7.35	4.68	5.15	48.4	Tương đối thấp
6	Tòa án nhân dân tỉnh	38	4.28	5.64	1.43	5.9	3.88	7.52	4.21	1.95	6.79	4.27	45.87	Tương đối thấp
7	Cục Thuế tỉnh	107	7.25	5.5	4.18	1.34	1.51	2.59	1.82	3.9	1	1.31	30.4	Tương đối thấp
8	Chi cục Hải quan	35	1.74	3.18	4.21	3.84	6.46	1.28	1	1	3.25	3.95	29.91	Rất thấp

Ghi chú:

CS 1: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

CS 2: Văn hóa giao tiếp, cơ sở vật chất khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính

CS 3: Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính

CS 4: Tính năng động

CS 5: Chi phí không chính thức

CS 6: Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh

CS 7: Thiết chế pháp lý

CS 8: Cạnh tranh bình đẳng

CS 9: Hiệu quả xây dựng, tham mưu cho tỉnh các chính sách, quy định, giải pháp về hỗ trợ, phát triển sản xuất, kinh doanh

CS 10: Hiệu quả thực thi các văn bản pháp luật

PHỤ BIỂU 04

BẢNG XẾP HẠNG DDCI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND TỈNH VÀ DN CÓ VỊ TRÍ ĐỘC QUYỀN NĂM 2021

STT	Tên huyện, thành phố, sở, ban, ngành	Số phiếu trả lời	Chỉ số thành phần và tiêu chí										DDCI (Thang điểm 100)	Xếp hạng
			CS 1	CS 2	CS 3	CS 4	CS 5	CS 6	CS 7	CS 8	CS 9	CS 10		
1	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình NN&PTNT	42	6.82	7.78	7.01	7.47	4.87	10	9.09	10	9.93	10	82.97	Rất tốt
2	Ban quản lý các khu du lịch tỉnh Tuyên Quang	39	9.75	10	9.51	10	10	6.53	8.56	3.47	6.51	4.43	78.76	Tốt
3	Công ty điện lực Tuyên Quang	66	7.96	6.91	6.19	5.07	5.59	5.77	6.51	3.03	3.08	5.95	56.06	Trung bình
4	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	48	9.73	5.11	8.07	5.94	1.44	5.1	3.52	1.38	4.76	4.72	49.77	Tương đối thấp
5	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông	51	1	1.41	1	1	1.27	1	1	5.3	2.73	1.84	17.55	Rất thấp

Ghi chú:

CS 1: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

CS 2: Văn hóa giao tiếp, cơ sở vật chất khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính

CS 3: Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính

CS 4: Tính năng động

CS 5: Chi phí không chính thức

CS 6: Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh

CS 7: Thiết chế pháp lý

CS 8: Cạnh tranh bình đẳng

CS 9: Hiệu quả xây dựng, tham mưu cho tỉnh các chính sách, quy định, giải pháp về hỗ trợ, phát triển sản xuất, kinh doanh

CS 10: Hiệu quả thực thi các văn bản pháp luật

(Dữ liệu được trích xuất từ hệ thống: ddci.tuyenquang.gov.vn)